

QUAN VO LUONG THO KINH.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm & lược dịch.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt 2/2009

=====

No. 365

南無阿彌陀佛 .

Nam-mô A Di Đà Phật.

禮敬淨土

Lễ kính Tịnh độ.

香讚.

Hương tán:

Ca ngợi hương .

爐香乍熱. 法界蒙薰. 諸佛海會悉遙聞.

Lô hương sạ nhiệt. Pháp giới mông huân. Chư Phật hải hội tất dao văn.

Lư hương vừa đốt. Cõi Pháp thêm thơm. Các Phật các hội từ xa đều biết.

隨處結祥雲. 誠意方殷. 諸佛現全身.

Tùy xứ kết tường vân. Thành ý phương ân. Chư Phật hiện toàn thân.

Tùy xứ kết mây lành. Thành ý ân sâu. Các Phật hiện toàn thân.

南無香雲蓋菩薩摩訶薩.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ-tát Ma-ha-tát.

戒香定香與慧香 . 解脫解脫知見香 .

Giới hương Định hương dữ Tuệ hương. Giải thoát giải thoát Tri-kiến hương.

Hương Giới, hương Định và hương Tuệ. Hương Giải thoát, giải thoát ‘Thấy biết’.

光明雲臺遍法界 . 供養十方三寶前 .

Quang-minh Vân đài biến Pháp giới. Cúng dường thập phương Tam-bảo tiền.

Đài quang chiếu sáng khắp Pháp giới. Cúng dường trước Tam-bảo mười phương .

南無香供養菩薩摩訶薩

Nam-mô Hương cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát.

一心頂禮盡虛空遍法界十方三世一切常住三寶.

Nhất tâm đỉnh lễ Tận hư không biến Pháp giới Thập Phương Tam thể nhất thiết Thường Trụ Tam-bảo.

願此香花雲, 遍滿十方界, 一一諸佛土

Nguyện thử hương hoa vân. Biến mãn thập phương giới. Nhất nhất chư Phật thổ.

Nguyện khói hương hoa này. Biến đầy mười phương giới. Mỗi một Đất nước Phật.

無量香莊嚴, 具足菩薩道, 成就如來香

Vô lượng hương trang nghiêm. Cụ túc Bồ-tát đạo. Thành tựu Như Lai hương.

Vô lượng hương trang nghiêm. Đầy đủ Đạo Bồ-tát. Thành công hương Như Lai

讚佛揭:

Tán Phật kệ:

Bài ca ngợi Phật

如來妙色身 . 世間無與等 . 無比不思議 . 是故今頂禮 .

Như Lai diệu sắc thân. Thế gian vô dũ đẳng. Vô tí bất tư nghị. Thị cố kim đỉnh lễ.

Thân Như Lai diệu sắc. Thế gian không sánh bằng. Không suy bàn tính toán. Vì thế nay đỉnh lễ.

如來色無盡 . 智慧亦復然 . 一切法常住 . 是故我皈依 .

Như Lai sắc vô tận. Trí tuệ diệc phục nhiên. Nhất thiết Pháp thường trụ. Thị cố Ngã quy y.

Thân Như Lai vô tận. Trí tuệ cũng như nhau. Tất cả Pháp thường trụ. Vì thế con đi theo.

大智大願力 . 普度於眾生 . 令舍熱惱身 . 生彼清涼國 .

Đại trí đại nguyện lực. Phổ độ ư chúng sinh. Linh xả nhiệt não thân. Sinh bỉ thanh lương quốc.

Trí lớn lực nguyện lớn. Cứu độ khắp chúng sinh. Giúp bỏ thân phiền não. Sinh về Nước sạch mát.

我今淨三業 . 皈依及禮讚 . 願共諸眾生 . 同生安樂刹 .

Ngã kim tịnh tam nghiệp. Quy y cập lễ tán. Nguyện cộng chư chúng sinh. Đồng sinh An lạc sát .

Con nay ba Nghiệp sạch. Đi theo lễ ca ngợi. Nguyện cùng các chúng sinh. Cùng sinh nước An lạc.

唵 . 怕日囉勿 .

Yêm. Phạ nhật la vật.

一心頂禮宏揚淨樂土釋迦如來千百億化身遍法界諸佛 .

Nhất tâm đỉnh lễ Hoàn dương Tịnh lạc độ Thích Ca Như Lai thiên bách ức hóa thân biến Pháp giới chư Phật.

一心頂禮常寂光淨土阿彌陀如來清淨妙法身遍法界諸佛 .

Nhất tâm đỉnh lễ Thường tịch quang Tịnh độ A Di Đà Như Lai thanh tịnh diệu Pháp thân biến Pháp giới chư Phật.

一心頂禮實報莊嚴土阿彌陀如來微塵相海身遍法界諸佛 .

Nhất tâm đỉnh lễ Thực báo Trang nghiêm độ A Di Đà Như Lai vi trần tướng hải thân biến Pháp giới chư Phật.

一心頂禮方便聖居士阿彌陀如來解脫相嚴身遍法界諸佛 .

Nhất tâm đỉnh lễ Phương tiện Thánh cư độ A Di Đà Như Lai giải thoát tướng nghiêm thân biến Pháp giới chư Phật.

一心頂禮西方安樂土阿彌陀如來大乘根界身遍法界諸佛 .

Nhất tâm đỉnh lễ Tây phương An lạc độ A Di Đà Như Lai Đại-thừa căn giới thân biến Pháp giới chư Phật.

一心頂禮西方安樂土阿彌陀如來十方化往身遍法界諸佛 .

Nhất tâm đỉnh lễ Tây phương An lạc độ A Di Đà Như Lai thập phương hóa vãng thân biến Pháp giới chư Phật.

南無西方極樂世界 . 三十六萬億一十一萬 . 九千五百 . 同名同號 . 大慈大悲 . 阿彌陀佛 .

Nhất tâm đỉnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Tam Thập Lục Vạn Ưc. Nhất Thập Nhất Vạn. Cửu Thiên Ngũ Bách. Đồng Danh Đồng Hiệu. Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật..

一心頂禮六方諸佛, 阿閼毘佛, 日月燈佛, 無量壽佛, 燄堅肩佛, 師子佛,

范音佛等遍法界諸佛 .

Nhất tâm đỉnh lễ Lục phương chư Phật, A Súc Tì Phật, Nhật Nguyệt Đăng Phật, Vô Lượng Thọ Phật, Diễm Kiên Phật, Sư Tử Phật, Phạm Âm Phật đẳng biến Pháp giới chư Phật.

一心頂禮極樂大乘四十八願無量壽經及彼淨土所有一切法寶.

Nhất tâm đỉnh lễ Cực lạc Đại-thừa Tứ thập bát nguyện Vô Lượng Thọ Kinh cập bỉ Tịnh độ sở hữu nhất thiết Pháp bảo.

一心頂禮西方安樂土阿彌陀如來，九十九百千萬億佛。

Nhất tâm đỉnh lễ Tây phương An lạc độ A Di Đà Như Lai, Cửu thập cửu bách thiên vạn ức Phật .

一心頂禮西方安樂土阿彌陀如來，十方三世一切諸佛。

Nhất tâm đỉnh lễ Tây phương An lạc độ A Di Đà Như Lai, Thập phương Tam thế nhất thiết chư Phật .

一心頂禮拔一切業障根本得生淨土陀羅尼。

Nhất tâm đỉnh lễ Bạt nhất thiết nghiệp chướng căn bản đắc sinh Tịnh độ Đà-la-ni.

一心頂禮西方安樂土觀世音菩薩萬億紫金身遍法界菩薩。

Nhất tâm đỉnh lễ Tây phương An lạc độ Quan Thế Âm Bồ-tát vạn ức tử kim thân biến Pháp giới Bồ-tát .

一心頂禮西方安樂土大勢至菩薩無邊光熾身遍法界菩薩。

Nhất tâm đỉnh lễ Tây phương An lạc độ Đại Thế Chí Bồ-tát Vô biên quang sí thân biến Pháp giới Bồ-tát.

一心頂禮西方安樂土文殊菩薩大智示現身遍法界菩薩。

Nhất tâm đỉnh lễ Tây phương An lạc độ Văn Thù Bồ-tát đại trí thị hiện thân biến Pháp giới Bồ-tát.

一心頂禮西方安樂土普賢菩薩行願剎塵身遍法界菩薩。

Nhất tâm đỉnh lễ Tây phương An lạc độ Phổ Hiền Bồ-tát hạnh nguyện sát trần thân biến Pháp giới Bồ-tát.

一心頂禮西方安樂土清淨大海眾滿分二嚴身遍法界聖眾。

Nhất tâm đỉnh lễ Tây phương An lạc độ Thanh tịnh đại hải chúng mãn phân nhị nghiêm thân biến Pháp giới Thánh chúng.

一心頂禮西方安樂土七寶池中九品蓮臺一切菩薩摩訶薩。

Nhất tâm đỉnh lễ Tây phương An lạc độ Thất bảo trì trung Cửu phẩm liên đài nhất thiết Bồ-tát Ma-ha-tát.

一心頂禮大智舍利弗無量無數聲聞緣覺一切賢聖僧。

Nhất tâm đỉnh lễ Đại trí Xá-lợi-phất vô lượng vô số Thanh-văn Duyên-giác nhất thiết Hiền Thánh Tăng.

一心頂禮宏揚淨土馬鳴大師，興崇教法龍樹大師。

Nhất tâm đỉnh lễ Hoàn dương Tịnh độ Mã minh Đại sư, hưng sùng giáo Pháp Long Thọ Đại sư.

一心頂禮倡始蓮社慧遠法師，淨土懺主慈雲大師。

Nhất tâm đỉnh lễ Xương thủy liên xã Tuệ viễn Pháp sư, Tịnh độ sám chủ Từ Vân Đại sư.

南無大慈彌陀佛，願我速斷貪瞋癡。

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, nguyện Ngã tốc đoạn tham sân si.

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, con nguyện nhanh đoạn trừ tham sân si.

南無大慈彌陀佛，願我永離三惡道

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, nguyện Ngã vĩnh ly Tam ác đạo.

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, con nguyện rời xa Ba Đạo ác.

南無大慈彌陀佛，願我常聞佛法僧。

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, nguyện Ngã thường văn Phật Pháp Tăng.

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, con nguyện thường nghe Phật Pháp Tăng.

南無大慈彌陀佛，願我勤修戒定慧。

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, nguyện Ngã cần tu Giới Định Tuệ.

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, con nguyện cần tu Giới Định Tuệ.

南無大慈彌陀佛，願我恆隨諸佛學。

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, nguyện Ngã hằng tùy chư Phật học.

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, con nguyện mong theo học các Phật.

南無大慈彌陀佛，願我圓滿菩提心。

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, nguyện Ngã viên mãn Bồ-đề tâm.

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, con nguyện đầy đủ tâm Bồ-đề.

南無大慈彌陀佛，願我速會極樂國。

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, nguyện Ngã tức Hội Cực-lạc quốc.

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, con nguyện nhanh tới Hội nước Cực lạc.

南無大慈彌陀佛，願我早同法性身。

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, nguyện Ngã tạo đồng Pháp tính thân.

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, con nguyện sớm hòa đồng Pháp tính thân.

南無大慈彌陀佛，願我分身遍塵刹。

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, nguyện Ngã phân thân biến Trần-sát.

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, con nguyện hóa thân biến ra Cõi Trần.

南無大慈彌陀佛，願我廣度諸眾生。

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, nguyện Ngã quảng độ chư chúng sinh.

Nam mô Đại từ Di Đà Phật, con nguyện độ rộng khắp các chúng sinh.

讚佛揭：

Tán Phật kệ:

Bài kệ ca ngợi Phật：

阿彌陀佛身今色。相好光明無等倫。

A Di Đà Phật thân kim sắc. Tướng-Hảo Quang-minh vô đẳng luân.

Thân A Di Đà Phật sắc vàng. Quang-minh Tướng-Hảo không gì bằng.

白毫宛轉五須彌。紺目澄清四大海。

Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu-di. Cẩm mục trong thanh tứ đại hải.

Quang trắng uyển chuyển 5 Tu-di. Mắt vàng soi tỏ 4 biển lớn.

光中化佛無數億。化菩薩眾亦無邊。

Quang trung hoá Phật vô số ức. Hoá Bồ-tát chúng diệc vô biên.

Trong quang hoá Phật vô số triệu. Hoá chúng Bồ-tát cũng vô biên.

四十八願度眾生。九品含令登彼岸。

Từ thập bát nguyện độ chúng sinh. Cửu phẩm hàm linh đặng bỉ ngạn.

Bốn mươi tám nguyện độ chúng sinh. Chín phẩm cùng nhau tới Niết-bàn.

南無西方極樂世界。三十六萬億。一十一萬。九千五百。同名同號。大慈大悲。接
引導師阿彌陀佛。

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Tam Thập Lục Vạn Úc. Nhất Thập Nhất Vạn. Cửu
Thiên Ngũ Bách Đồng Danh Đồng Hiệu. Đại Từ Đại Bi. Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.

開經揭。

Khai Kinh kệ.

Bài kệ mở Kinh.

無上甚深微妙法。百千萬劫難遭遇。

Vô Thượng thậm thâm vi diệu Pháp. Bách thiên vạn Kiếp nan tao ngộ。

Pháp Bình Đẳng thâm sâu màu nhiệm. Trăm nghìn vạn Kiếp khó gặp được.

我今見聞得受持。願解如來真實義。

Ngã kim kiến văn đắc thụ trì. Nguyên giải Như Lai chân thực nghĩa.

Con nay nghe thấy liền nhận giữ. Nguyên hiểu nghĩa chân thực của Phật.

淨口業真言：

Tịnh khẩu nghiệp chân ngôn：

唵。修唎修唎，摩訶修唎，修修唎，薩婆訶。

Yêm. Tu lị tu lị, ma ha tu lị, tu tu lị, tát bà ha.

淨身業真言：

Tịnh thân nghiệp chân ngôn：

唵。修哆唎，修哆唎，修摩唎，修摩唎，薩婆訶。

Yêm. Tu đa lị, tu đa lị, tu ma lị, tu ma lị, tát bà ha.

淨意業真言：

Tịnh ý nghiệp chân ngôn：

唵。[口*縛]日囉怛訶賀斛。

Yêm. Phục nhật la đất ha hạ hộc.

淨三業真言：

Tịnh tam nghiệp chân ngôn：

唵。娑[口*縛]，娑[口*縛]，秫 馱 娑[口*縛]，達摩娑[口*縛]，婆[口*縛] 秫 度 憾。

Yêm. Sa phục, sa phục, thuật đà sa phục, đạt ma sa phục, bà phục thuật độ hám.

安土地真言：

An thổ địa chân ngôn：

南無三滿哆沒馱喃。唵。度嚕度嚕，地尾，薩婆訶。

Nam mô tam mãn đa một đà nam. Yêm. Độ lỗ độ lỗ, địa vĩ, tát bà ha.

普供養真言：

Phổ cúng dường chân ngôn：

唵。[言我][言我]嚩三婆[口*縛]伐日囉斛。

Yêm. Nga nga nãng tam bà phục, phật nhật la hộc.

往生淨土神咒。

Vãng sinh Tịnh độ Thần chú.

Thần chú vãng sinh Tây phương Cực-lạc.

南無阿彌多婆夜。哆他伽多夜。哆地夜他。阿彌唎。都婆毗。

Nam-mô A di đa bà dạ. Đa tha già đa dạ. Đa địa dạ tha. A di lị. Đô bà tì.

阿彌唎哆。悉耽婆毗。阿彌唎哆。毗迦蘭帝。阿彌唎哆。毗迦蘭多。

A di lị đa. Tất đàm bà tì. A di lị đa. tì ca lan đế. A di lị đa. Tì ca lan đa.

伽彌膩。伽伽那。枳多迦利。娑婆訶。

Già di nhị. Già già na. Chi đa ca lợi. Sa bà ha.

四方發願文。

Tây phương phát nguyện văn.

Bài văn phát nguyện về Tây phương.

稽首四方安樂國。接引眾生大導師。

Khể thủ Tây Phương An Lạc quốc. Tiếp Dẫn chúng sinh Đại Đạo Sư.

Phục lễ Tây Phương nước An Lạc. Tiếp Dẫn chúng sinh Đại Đạo Sư.

我今發願願往生。唯願慈悲哀攝受。

Ngã kim phát nguyện nguyện vãng sinh. Duy nguyện Từ Bi ai nhiếp thụ.

Nay Con phát nguyện nguyện vãng sinh. Xin nguyện Từ Bi thương thu nhận.

我弟子眾等…普為四恩三有。法界眾生求於諸佛。

Ngã Đệ-tử chúng đấng... Phổ vị Tứ-ân Tam-hữu, Pháp giới chúng sinh. Cầu ư chư Phật.

Con Đệ Tử chúng sinh... Rộng khắp vì 4 Ân, 3 Có, Pháp giới chúng sinh. Cầu với các Phật.

一乘無上菩提道故。專心持念阿彌陀佛。萬德洪名。

Nhất thừa Vô-thượng Bồ-đề Đạo cố. Chuyên tâm trì niệm A Di Đà Phật vạn Đức hồng danh.

Cố vì Đạo Bình Đẳng Bồ Đề bậc nhất. Chuyên tâm giữ nhớ vạn Đức tên hiệu lớn của A Di Đà Phật.

期生淨土。又以業重福輕。障深慧淺。染心易熾

Kỳ sinh Tịnh độ. Hựu dĩ Nghiệp trọng Phúc khinh. Chương thâm tuệ thiển. Nhiễm tâm dị sí.

Mong cầu sinh Đất Phật Thanh tịnh. Mới lại vì Nghiệp nặng, Phúc nhỏ. Chương ngại lớn, Trí tuệ nông cạn.

淨德難成。今於佛前。翹勤五體。披瀝一心。投誠懺悔。

Tịnh Đức nan thành. Kim ư Phật tiền. Kiêu cần ngũ thể. Phi lịch nhất tâm. Đầu thành sám hối.

Đức Thanh tịnh khó thành. Nay ở trước Phật. Chuyên cần vượt bậc phục đất đĩnh lễ. Nhất tâm phơi bày từng ly. Phục đầu thành tâm sám hối.

我及眾生。曠劫至今迷本淨心。縱貪瞋癡染穢三業。

Ngã cập chúng sinh. Khoáng Kiếp chí kim mê bản Tịnh tâm. Túng Tham-Sân-Si. Nhiễm uế Tam-nghiệp.

Con cùng với chúng sinh. Từ nhiều Kiếp xa xưa tới nay mê muội, tâm vốn dĩ Thanh tịnh. Theo Tham lam Thù hận Ngu si nhiễm uế 3 Nghiệp.

無量無邊所作罪垢。無量無邊所結冤業。願悉消滅

Vô lượng vô biên sở tác tội cấu. Vô lượng vô biên sở kết oan nghiệp. Nguyện tất tiêu diệt.

Làm ra vô lượng vô biên tội bản. Làm ra vô lượng vô biên kết buộc oan Nghiệp. Nguyện đều tiêu diệt hết.

從於今日。立深誓願。遠離惡法。誓不更造。勤修聖道。

Tòng ư kim nhật. Lập thâm thệ nguyện. Viễn ly ác Pháp. Thệ bất canh tạo. Cần tu Thánh-đạo.

Từ ngày hôm nay. Lập ra thệ nguyện thâm sâu. Rời bỏ Pháp ác, thệ nguyện không tạo thêm.

Chuyên cần tu Đạo Thánh.

誓不退悔。誓成正覺。誓度眾生。阿彌陀佛以慈悲願力。

Thệ bất thoái họa. Thệ thành Chính-giác. Thệ độ chúng sinh. A Di Đà Phật dĩ Từ Bi nguyện lực.

Thệ không lười nhác thoái lui. Thệ nguyện thành Chính Giác. Thệ độ chúng sinh. A Di Đà Phật dùng lực nguyện Từ Bi.

當證知我。當加被我。願禪觀之中夢寐之際。

Đương chứng tri Ngã. Đương gia bị ngã. Nguyện Thiền quan chi trung mộng寐 chi tế.

Đang chứng biết con. Đang gia hộ cho con. Nguyện ở trong quan sát Thiền, bên giấc mộng.

得見阿彌陀佛 金色之身。得瀝阿彌陀佛寶嚴之土。

Đắc kiến A Di Đà Phật kim sắc chi thân. Đắc lịch A Di Đà Phật bảo nghiêm chi thổ.

Được nhìn thấy thân sắc màu vàng của A Di Đà Phật. Được thanh lọc đất bấu nghiêm tịnh của A Di Đà Phật.

得蒙阿彌陀佛甘露灌頂 . 光明照身手摩我頭 .

Đắc môn A Di Đà Phật Cam-lộ quán đỉnh. Quang minh chiếu thân. Thủ ma ngã đầu.

Được gặp A Di Đà Phật tưới nước Cam lộ xuống đỉnh đầu. Quang sáng chiếu soi thân, tay xoa đầu con.

衣覆我體 . 使我宿障自除 . 善根增長 . 疾空煩惱 .

Y phúc ngã thể. Sử ngã túc chướng tự trừ. Thiện Căn tăng trưởng. Tật không Phiền-não.

Choàng áo lên thân thể con. Giúp cho chướng ngại Kiếp trước của con tự trừ bỏ. Tăng thêm Căn thiện. Phiền não nhanh chóng không.

頓破無明 . 圓覺妙心 . 廓然開悟 . 寂光眞境 .

Đốn phá Vô-minh. Viên giác diệu tâm. Khuếch nhiên khai ngộ. Tịch quang chân cảnh.

Phá bỏ Ngu tối. Tâm giác ngộ đầy đủ vi diệu. Tự nhiên khai sáng. Cảnh giới chân thực quang sáng im vắng.

常得現前 . 至於臨欲命終 . 預知時至 .

Thường đắc hiện tiền. Chí ư lâm dục mệnh chung. Dự tri thời chí.

Thường được hiện ra. Tới lúc sắp sửa bỏ mệnh. Biết được thời gian đến.

身無一切病苦危難 . 心無一切貪戀迷惑 .

Thân vô nhất thiết bệnh khổ ách nạn. Tâm vô nhất thiết tham luyến mê hoặc.

Thân không có tất cả bệnh khổ ách nạn. Tâm không có tất cả tham tiếc mê hoặc.

諸根悅預 . 正念分明 . 捨報安詳 . 如入禪定 .

Chư Căn duyệt dự. Chính-niệm phân minh. Xả báo an tường. Như nhập Thiền Định.

Các Căn vui vẻ. Nhớ đúng rõ ràng. Buông bỏ báo báo ứng an tường. Như nhập vào Thiền Định.

阿彌陀佛與觀音勢至 . 諸聖賢眾 . 放光接引

A Di Đà Phật dữ Quan-âm Thế-chí. Chư Thánh-Hiền chúng. Phóng quang tiếp dẫn.

A Di Đà Phật cùng với Quan Âm Thế Chí. Các chúng Thánh Hiền. Phóng quang đón dẫn.

垂手提攜 . 樓閣幢旛 . 異香天樂 . 西方聖境 .

Thùy thủ đề huê. Lâu các tràng phan. Dị hương Thiên lạc. Tây-phương Thánh cảnh.

Bắt tay vui mừng hướng dẫn. Lầu gác cờ phan, hương khác lạ nhạc cõi Trời. Cảnh Thánh ở Tây phương.

照示目前 . 令諸眾生 . 見者聞者 . 歡喜感歎 .

Chiếu thị mục tiền. Linh chư chúng sinh. Kiến giả văn giả. Hoan hỉ cảm tán.

Chiếu hiện ra trước mắt. Giúp cho các chúng sinh. Nhìn thấy nghe thấy vui mừng cảm động ca ngợi.

發菩提心 . 我於爾時 . 乘金剛臺 . 隨從佛後 .

Phát Bồ Đề tâm. Ngã ư nhĩ thời. Thừa Kim-cương đài. Tùy tòng Phật hậu.

Phát tâm Bồ Đề. Con tới khi đó. Ngồi Đài Kim cương. Đi theo sau Phật.

於彈指頃 . 生極樂國 . 七寶池內 . 勝蓮華中

Ư đàn chỉ khoảnh. Sinh Cực-lạc quốc. Thất bảo trì nội. Thắng Liên-hoa trung.

Chỉ trong giây lát. Sinh nước Cực Lạc. Trong ao 7 báu. Ngồi trên hoa Sen.

華開見佛 . 見諸菩薩 . 聞妙法音 . 獲無生忍 .

Hoa khai kiến Phật. Kiến chư Bồ-tát. Văn diệu Pháp âm. Hoạch Vô-sinh nhẫn.

Hoa nở nhìn thấy Phật. Nhìn thấy các Bồ Tát. Nghe Pháp âm vi diệu. Thu được Pháp Nhẫn không sinh.

於須臾間 . 乘事諸佛 . 身蒙授記 . 得授記已 . 三身四智 .

Ư tu du gian. Thừa sự chư Phật. Thân蒙 thụ kí. Đắc thụ kí dĩ. Tam-thân Tứ-Trí.

Chỉ trong giây lát. Các Phật nhân lúc làm việc. Thân được chuyển bậc thành Phật. Đã được chuyển bậc thành Phật. Ba thân, 4 Trí tuệ.

五根六通 . 無量百千陀羅尼門 . 一切公德 . 皆悉成就 .

Ngũ-Căn Lục-thông. Vô lượng bách thiên Đà-la-ni môn. Nhất thiết công Đức. Giai tất thành tựu.

Năm Căn, 6 Thần thông. Vô lượng trăm nghìn môn Đà La Ni. Tất cả công Đức đều thành công hết.

然後不違安養 . 回入娑婆 . 分身無數 . 徧十方刹 .

Nhiên hậu bất vi An-dưỡng. Hồi nhập Sa-bà. Phân thân vô số. Biền thập phương Sát.

Sau đó đương nhiên không xa rời nước Cực Lạc. Trở về nhập vào Sa Bà. Hóa ra vô số thân. Biền tỏa ra khắp 10 phương Phật.

以不可思議自在神力 . 種種方便 . 度脫眾生 .

Dĩ bất khả tư nghị Tự-tại Thần lực. Chủng chủng Phương-tiện. Độ thoát chúng sinh.

Dùng Thần lực Tự tại không thể nghĩ bàn. Đủ loại Phương tiện. Độ thoát chúng sinh.

咸令離染 . 還得淨心 . 同生西方 . 入不退地 .

Hàm linh ly nhiễm. Hoàn đắc Tịnh tâm. Đồng sinh Tây phương. Nhập Bất-thoái địa.

Tất cả giúp cho rời bỏ nhiễm ứ. Trở lại được tâm Thanh tịnh. Cùng sinh về Tây phương. Nhập vào Bậc không thoái lui.

如是大願 . 世界無盡 . 眾生無盡 . 業及煩惱一切無盡 .

Như thị đại nguyện. Thế giới vô tận. Chúng sinh vô tận. Nghiệp cập Phiền não nhất thiết vô tận.

Nguyện lớn như thế. Thế giới vô tận. Chúng sinh vô tận. Nghiệp và Phiền não tất cả vô tận.

我願無盡 . 願今禮佛發願 . 修持功德回施有情 .

Ngã nguyện vô tận. Nguyện kim lễ Phật phát nguyện. Tu trì công Đức hồi thí Hữu-tình.

Nguyện của con vô tận. Nguyện ngày nay lễ Phật phát nguyện. Tu giữ công Đức, trở về Bồ thí cho chúng sinh Có tình.

四恩總報 . 三有齊資 . 法界眾生同圓種智 .

Tứ-ân tổng báo. Tam-hữu tề tư. Pháp giới chúng sinh đồng viên chủng Trí.

Tổng báo 4 Ân. Ba Có cùng tư chất. Pháp giới chúng sinh cùng đầy đủ các loại Trí tuệ.

我眾等今稱念阿彌陀佛 . 真實公德佛名號 .

Ngã chúng đấng kim xưng niệm A Di Đà Phật. Chân thực công Đức Phật danh hiệu.

Con, chúng sinh... ngày nay đọc nhớ A Di Đà Phật. Tên hiệu Phật công Đức chân thực.

唯願慈悲哀攝受。證知懺及悔所願。

Duy nguyện Từ Bi ai nhiếp thụ. Chứng tri sám hối cập sở nguyện.

Xin nguyện Từ Bi thương thu nhận. Chứng biết sám hối và mong nguyện.

願我臨欲命終時。盡除一切諸障礙。

Nguyện ngã lâm dục mệnh chung thời. Tận trừ nhất thiết chư chướng ngại.

Con nguyện lúc sắp rời bỏ mệnh. Trừ hết tất cả các chướng ngại.

面見彼佛阿彌陀。即得往生安樂刹。

Diện kiến Bì Phật A Di Đà. Tức đắc vãng sinh An-lạc sát.

Gặp thấy Phật đó A Di Đà. Liên được vãng sinh Đất An Lạc.

讚揚：

Tán kê:

Bài kê ca ngợi：

阿彌陀佛大願王，慈悲喜舍難量。

A Di Đà Phật đại nguyện vương, Từ Bi Hi Xả nan lượng.

A Di Đà Phật vua nguyện lớn, Từ Bi Hi Xả khó lường.

眉間常放百毫光，度眾生極樂邦。

Mi gian thường phóng bạch hào quang, độ chúng sinh Cực-lạc bang.

Giữa mi thường phóng hào quang trắng, độ chúng sinh nước Cực-lạc.

八德池中蓮九品，七寶妙樹成行。

Bát Đức trì trung liên cửu phẩm, thất bảo diệu thụ thành hạnh.

Chín phẩm Sen trong 8 ao Đức, cây diệu bảy báu thành Hạnh.

如來聖號若稱揚，接引往西方。

Như Lai Thánh hiệu nhược xưng dương, Tiếp Dẫn vãng Tây phương.

Nếu tuyên đọc Thánh hiệu Như Lai, Tiếp Dẫn về Tây phương.

彌陀聖號若稱揚，同佛往西方。

Di Đà Thánh hiệu nhược xưng dương, đồng Phật vãng Tây phương.

Nếu tuyên đọc Thánh hiệu Di Đà, cùng Phật về Tây phương.

十方三世佛。阿彌陀第一。九品度眾生。

Thập phương Tam thế Phật. A Di Đà đệ nhất. Cửu phẩm độ chúng sinh.

Mười phương Ba đời Phật. A Di Đà bậc nhất. Chín phẩm độ chúng sinh.

威德無窮極。我今大皈依，懺悔三業罪。

Uy Đức vô cùng cực. Ngã kim đại quy y. Sám hối Tam-nghiệp tội.

Uy Đức tối cao nhất. Nay con theo Đạo lớn. Sám hối tội Ba nghiệp.

凡有諸福善。至心用迴向。願同念佛人。

Phàm hữu chư phúc thiện. Chí tâm dụng hồi hướng. Nguyện đồng niệm Phật nhân.

Nếu có các Phúc thiện. Thành tâm dùng hồi hướng. Nguyện cùng người nhớ Phật.

感應隨時現。臨終西方境，分明在目前。

Cảm ứng tùy thời hiện. Lâm chung Tây Phương cảnh. Phân minh tại mục tiền.

Xuất hiện theo cảm ứng. Sắp mắt thấy cảnh Tây Phương. Rõ ràng ngay trước mắt.

見聞皆精進。同生極樂國。見佛了生死。

Kiến văn giai Tinh-tiến. Đồng sinh Cực-lạc quốc. Kiến Phật liễu Sinh-tử.

Nghe thấy đều Tinh tiến. Cùng sinh nước Cực-lạc. Thấy Phật hết Sinh Chết.

如佛度一切。無邊煩惱斷。無量法門脩。

Như Phật độ nhất thiết. Vô biên phiên não đoạn. Vô lượng Pháp môn tu.

Như Phật độ tất cả. Đoạn vô biên phiên não. Tu vô lượng môn Pháp.

誓願度眾生 . 總願成佛道 .

Thệ nguyện độ chúng sinh. Tổng nguyện thành Phật đạo.

Thệ nguyện độ chúng sinh. Tất cả thành đạo Phật.

虛空有盡 . 我願無窮 . 情與無情 . 同圓種智 .

Hư không hữu tận. Ngã nguyện vô cùng. Tình dữ vô tình. Đồng viên chủng trí.

Hư không có hạn. Nguyện con vô cùng. Tình và vô tình. Cùng đủ các Trí

十方三世一切佛 . 一切菩薩摩訶薩 . 摩訶般若波羅蜜 .

Thập phương Tam-thế nhất thiết Phật. Nhất thiết Bồ-tát Ma-ha-tát. Ma-ha Bát-nhã Ba-la mật.

Mười phương tất cả Ba đời Phật. Tất cả Bồ-tát Đại Bồ-tát. Trí tuệ lớn tới Niết-bàn.

極樂大乘四十八願無量壽經

Cực Lạc Đại Thừa tư thập bát nguyện Vô Lượng Thọ Kinh.

Cực Lạc Đại Thừa 48 Lời nguyện Kinh Vô Lượng Thọ.

無三惡趣願 . 不更惡趣願 . 悉皆金色願 . 無有好醜願 .

Vô Tam-ác thú nguyện. Bất cánh Ác-thú nguyện. Tất giai kim sắc nguyện. Vô hữu hảo xú nguyện.

Nguyện không có Ba Đạo ác. Nguyện không tăng thêm Đạo ác. Nguyện tất cả đều được Thân vàng. Nguyện không có người đẹp xấu.

宿命智通願 . 天眼智通願 . 天耳智通願 . 他心智通願 .

Túc mệnh Trí-thông nguyện. Thiên-nhãn Trí-thông nguyện. Thiên-nhĩ Trí-thông nguyện. Tha tâm Trí-thông nguyện.

Nguyện được Trí tuệ thông tỏ Kiếp trước. Nguyện được Trí tuệ thông tỏ nhìn thấy Cõi Trời.

Nguyện được Trí tuệ thông tỏ nghe được Cõi Trời. Nguyện được Trí tuệ thông tỏ hiểu tâm của người khác.

神足智通願 . 漏盡智通願 . 必至滅度願 . 光明無量願 .

Thần túc Trí-thông nguyện. Lậu-tận Trí-thông nguyện. Tất chí Diệt-độ nguyện. Quang-minh vô lượng nguyện.

Nguyện được Trí tuệ thông tỏ đầy đủ 6 Thần thông. Nguyện được Trí tuệ thông tỏ trừ hết Phiền não. Nguyện nhất định thành Phật Bồ Đề. Nguyện được Quang sáng vô lượng.

壽命無量願 . 聲聞無數願 . 眷屬長壽願 . 不聞惡名願 .

Thọ mệnh vô lượng nguyện. Thanh-văn vô số nguyện. Quyên thuộc trường thọ nguyện. Bất văn Ác-danh nguyện.

Nguyện được thọ mệnh vô lượng. Nguyện được vô số Thanh văn. Nguyện được quyên thuộc trường thọ. Nguyện không nghe thấy tên ác.

諸佛稱名願 . 至心信樂願 . 至心發願願 . 至心迴向願 .

Chư Phật xưng danh nguyện. Chí tâm tín nhạo nguyện. Chí tâm phát nguyện nguyện. Chí tâm hồi hướng nguyện.

Nguyện được các Phật đọc tên. Nguyện thành tâm 10 lần đọc tên Phật được sinh Tây Phương.

Nguyện được tâm chí thành phát nguyện được đón rước về Tây Phương. Nguyện được nghe tên Phật suy niệm được sinh Tây Phương.

三十二相願 . 還相迴向願 . 供養諸佛願 . 供具如意願 .

Tam thập nhị Tướng nguyện. Hoàn Tướng hồi hương nguyện. Cúng dưỡng chư Phật nguyện.

Cúng cụ như ý nguyện.

Nguyện được 32 Tướng của vĩ nhân. Nguyện được một lần sinh thành Phật. Nguyện bằng Thần lực trong khoảng thời gian một bữa ăn cúng dường tất cả các Phật mười Phương. Nguyện được đồ cúng dường như ý.

說法佛如願. 得金剛那羅延願. 萬物嚴淨願. 見道場樹願.

Thuyết Pháp như Phật nguyện. Đắc Kim-cương Na-la-diên nguyện. Vạn vật nghiêm Tịnh nguyện. Kiến Đạo-tràng thụ nguyện.

Nguyện được như Phật nói Pháp. Nguyện được Thân Kim cương bất hoại. Nguyện được vạn vật trang nghiêm Thanh tịnh. Nguyện được nhìn thấy Cây Vô lượng Quang trên Đạo tràng cao 2 triệu Km.

得辯才智願. 智慧無窮願. 國土清淨願. 寶香合成願.

Đắc biện tài Trí nguyện. Trí tuệ vô cùng nguyện. Quốc thổ Thanh tịnh nguyện. Bảo hương hợp thành nguyện.

Nguyện được Trí tuệ hùng biện. Nguyện được Trí tuệ vô cùng. Nguyện được Đất Phật Thanh tịnh từ đó nhìn thấy rõ tất cả các Thế giới Phật mười Phương. Nguyện hòa hợp được tất cả các loại hương luyện thành Hương báu

觸光柔軟願. 聞名得忍願. 永離女身願. 常修梵行願.

Xúc Quang nhu nhuyễn nguyện. Văn danh đắc Nhẫn nguyện. Vĩnh ly nữ thân nguyện. Thường tu Phạm-hạnh nguyện.

Nguyện được Quang-minh tiếp xúc thân thành nhu nhuyễn hơn cả Trời người. Nguyện nghe được tên Phật có được Pháp Nhẫn. Nguyện vĩnh viễn rời bỏ thân Nữ. Nguyện thường được tu Phạm hạnh Thanh tịnh.

人天致敬願. 衣服隨念願. 受樂無染願. 照見諸土願.

Nhân Thiên trí kính nguyện. Y phục tùy niệm nguyện. Thụ lạc vô nhiễm nguyện. Chiếu kiến chư thổ nguyện.

Nguyện được Trời Người hết sức kính trọng. Nguyện được quần áo theo ý muốn. Nguyện được vui sướng không nhiễm ố. Nguyện nhìn thấy rõ tất cả các Đất Phật 10 Phương.

具足諸根願. 住定供養願. 生尊貴家願. 具足德本願.

Cụ túc chư Căn nguyện. Trụ Định cúng dường nguyện. Sinh tôn quý gia nguyện. Cụ túc Đức bản nguyện.

Nguyện được đầy đủ các Căn. Nguyện ở trong Định cúng dường các Phật. Nguyện được sinh trong gia đình tôn quý. Nguyện được đầy đủ Đức vốn có.

住定見佛願. 隨意聞法願. 得不退轉願. 得三法忍願.

Trụ Định kiến Phật nguyện. Tùy ý văn Pháp nguyện. Đắc Bất-thoái-chuyển nguyện. Đắc Tam Pháp-nhẫn nguyện.

Nguyện nhìn thấy Phật ở trong Định. Nguyện được tùy ý nghe Pháp. Nguyện được Không thoái lui. Nguyện được Ba Pháp Nhẫn.

觀無量壽佛經上品上生.

Quan Vô Lượng Thọ Kinh Thượng phẩm thượng sinh.

Kinh Quan sát Phật Vô Lượng Thọ, sinh phẩm đầu bậc cao nhất.

佛告阿難及韋提希！上品上生者：

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi ! Thượng phẩm thượng sinh giả :

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi ! Sinh phẩm đầu bậc cao nhất :

若有眾生願生彼國者。發三種心即便往生。何等為三？

Nhược hữu chúng sinh nguyện sinh bỉ quốc giả. Phát tam chủng tâm tức tiện vãng sinh. Hà đẳng vi tam ?

Nếu có chúng sinh nguyện sinh đất nước đó. Phát khởi 3 loại tâm tức thì liền được vãng sinh.
Thế nào là 3 loại tâm ?

一者至誠心。二者深心。三者迴向發願心。

Nhất giả chí thành tâm. Nhị giả thâm tâm. Tam giả hồi hướng phát nguyện tâm.

Một là tâm chí thành. Hai là tâm thâm sâu. Ba là tâm phát nguyện hồi hướng.

具三心者必生彼國。復有三種眾生，當得往生。

Cụ tam tâm giả tất sinh bỉ quốc. Phục hữu tam chủng chúng sinh, đương đắc vãng sinh.

Đầy đủ 3 loại tâm nhất định được sinh nước đó. Lại có 3 loại chúng sinh, đang được vãng sinh.

何等為三？一者慈心不殺具諸戒行。

Hà đẳng vi Tam ? Nhất giả Từ tâm bất sát cụ chư Giới hạnh.

Thế nào là Ba ? Một là Tâm Từ Bi không sát hại, đầy đủ các Giới hạnh.

二者讀誦大乘方等經典。

Nhị giả đọc tụng Đại-thừa phương đẳng Kinh điển.

Hai là đọc tụng Đại-thừa Kinh điển Bình đẳng.

三者修行六念迴向發願生彼佛國。具此功德，一日乃至七日。

Tam giả tu hành lục niệm hồi hướng phát nguyện sinh bỉ Phật quốc. Cụ thử công đức, nhất nhật nãi chí thất nhật.

Ba là tu hành 6 suy nhớ (nhớ Phật, Pháp, Tăng, bố Thí, giữ Giới, thường xuyên hàng ngày nghĩ nhớ 5 việc trước) hồi hướng phát nguyện sinh Đất Phật đó. Dù công Đức này, một ngày thậm chí bảy ngày.

即得往生，生彼國時，此人精進勇猛故。

Tức đắc vãng sinh, sinh bỉ quốc thời, thử nhân tinh tiến dũng mãnh cố.

Tức thì được vãng sinh, khi sinh nước đó, do người này tinh tiến dũng mãnh.

阿彌陀如來與觀世音及大勢至無數化佛。

A Di Đà Như Lai dữ Quan Thế Âm cập Đại Thế Chí vô số hóa Phật.

A Di Đà Như Lai và Quan Thế Âm cùng với Đại Thế Chí vô số hóa Phật.

百千比丘聲聞大眾無量諸天，七寶宮殿。

Bách thiên Tì-kheo Thanh-văn Đại chúng vô lượng chư Thiên, thất bảo cung điện.

Trăm nghìn Tì-kheo Thanh-văn Đại chúng vô lượng người Trời, cung điện bảy báu.

觀世音菩薩執金剛臺，與大勢至菩薩至行者前。

Quan Thế Âm Bồ-tát chấp Kim Cương đài, dữ Đại Thế Chí Bồ-tát chí hành giả tiền.

Quan Thế Âm Bồ-tát cầm đài Kim Cương, cùng với Đại Thế Chí Bồ-tát tới trước mặt họ.

阿彌陀佛放大光明照行者身。

A Di Đà Phật phóng đại Quang-minh chiếu hành giả thân.

A Di Đà Phật phóng Quang-minh lớn chiếu tới thân của họ.

與諸菩薩授手迎接。觀世音大勢至與無數菩薩。

Dữ chư Bồ-tát thụ thủ nghênh tiếp. Quan Thế Âm Đại Thế Chí dữ vô số Bồ-tát.

Cùng với các Bồ-tát bắt tay nghênh tiếp. Quan Thế Âm Đại Thế Chí và vô số Bồ-tát.

讚歎行者勸進其心，行者見已歡喜踊躍。

Tán thán hành giả khuyến tiến kỳ tâm, hành giả kiến dĩ hoan hỷ dũng dục.

Ca ngợi họ khuyến khích tâm họ, họ nhìn thấy rồi vui mừng phấn chấn.

自見其身乘金剛臺，隨從佛後。

Tự kiến kỳ thân thừa Kim cương đài, tùy tùng Phật hậu.

Tự nhìn thấy Thân của họ ngồi đài Kim cương, đi theo sau Phật.

如彈指頃往生彼國，生彼國已。見佛色身眾相具足。

Như đàn chỉ khoảnh vãng sinh bỉ quốc, sinh bỉ quốc dĩ. Kiến Phật sắc thân chúng tướng cụ túc. Chỉ trong giây phút vãng sinh nước đó, sinh nước đó rồi. Nhìn thấy đầy đủ các Tướng Sắc thân của Phật.

見諸菩薩色相具足。光明寶林演說妙法。

Kiến chư Bồ-tát sắc tướng cụ túc. Quang-minh bảo lâm diễn thuyết Diệu Pháp.

Nhìn thấy đầy đủ Sắc Tướng của các Bồ-tát. Nhiều Quang-minh báu diễn thuyết Diệu Pháp.

聞已即悟無生法忍。經須臾間歷事諸佛。

Văn dĩ tức ngộ Vô-sinh Pháp-nhẫn. Kinh tu du gian lịch sự chư Phật.

Nghe xong tức thì giác ngộ Pháp nhẫn Không sinh. Qua thời gian ngắn trải qua việc của các Phật.

遍十方界，於諸佛前次第受記，還至本國。

Biến thập phương giới, ư chư Phật tiền thứ đệ thụ ký, hoàn chí bản quốc.

Biến ra khắp mười phương Thế giới, ở trước các Phật lần lượt được Chuyển bậc thành Phật, trở về nước cũ.

得無量百千陀羅尼門。是名上品上生者。

Đắc vô lượng bách thiên Đà-la-ni môn. Thị danh thượng phẩm thượng sinh giả.

Được vô lượng trăm nghìn môn Đà-la-ni. Tên là sinh phẩm đầu bậc cao nhất.

南無阿彌陀佛。

Nam-mô A Di Đà Phật.

南無觀世音菩薩。

Nam-mô Quan Thế Âm Bồ-tát.

南無大勢至菩薩。

Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-tát.

南無清淨大海眾菩薩。

Nam-mô Thanh Tịnh đại hải chúng Bồ-tát.

懺悔文。

Sám hối văn.

Bài văn sám hối.

我弟子至心懺悔。自從無始至於今日，未識佛時，未聞法時未，遇僧時。

Ngã Đệ-tử ... chí tâm sám hối. Tự tông vô thủy chí ư kim nhật. Vị thức Phật thời, vị văn Pháp thời, vị ngộ Tăng thời.

Con Đệ Tử thành tâm sám hối. Từ xa xưa tới nay, khi chưa nhận biết được Phật, khi chưa được nghe Pháp, khi chưa gặp được Tăng.

不知善惡，不信因果，遇不善緣，近惡知識，動身口意，無惡不為。

Bất tri Thiện-ác, bất tín Nhân-quả, ngộ bất Thiện-duyên, cận ác Tri-thức, động thân khẩu ý, vô ác bất vi.

Không biết Thiện ác, không tin Nhân quả, gặp các Duyên ác, gần Tri thức ác, Thân Miệng Ý mạnh động, ác nào cũng làm.

身業不善行殺盜婬。口業不善妄言綺語惡口兩舌。

Thân-nghiệp bất thiện hành Sát-Đạo-Dâm. Khẩu-nghiệp bất thiện vọng ngôn ý ngữ ác khẩu lưỡng thiệt.

Nghiệp Thân không thiện thực hành giết hại, trộm cướp, dâm tà. Nghiệp Miệng không thiện nói dối, nói cường điệu xuyên tạc, nói ác, nói hai lời.

意業不善起貪瞋癡。殺父殺母殺阿羅漢，破和合僧，出佛身血。

Ý-nghiệp bất thiện khởi Tham-Sân-Si. Sát phụ sát mẫu sát A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, xuất Phật thân huyết.

Nghiệp Ý không thiện phát khởi Tham lam, Thù hận, Ngu si. Giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá sự hòa hợp của chúng Tăng, chia rẽ rời bỏ Phật.

焚燒塔寺誹謗大乘。侵損常住污梵誣僧，犯諸禁戒。

Phân thiêu Tháp-Tự, phỉ báng Đại-thừa. Xâm tổn Thường-trụ, ô phạm vu Tăng, phạm chư cấm Giới.

Đốt thiêu Chùa Tháp, phỉ báng Kinh Đại Thừa. Xâm hại Thường trụ, ô uế nơi Thanh tịnh, vu không Tăng, phạm vào các Giới cấm.

作不律儀自作教他見聞隨喜，如是罪無量無邊。今日披陳發露懺悔。

Tác bất luật nghi, tự tác giáo tha, kiến văn tùy hi. Như thị đặng tội vô lượng vô biên. Kim nhật phi trần phát lộ sám hối.

Làm không theo luật nghi thức, tự làm dạy người khác làm, nghe thấy vui theo. Các tội như thế là vô lượng vô biên. Ngày nay giải bày tỏ lộ ra sám hối.

惟願三寶同賜哀憐。令我罪根一念霜融悉皆清淨。

Duy nguyện Tam-Bảo đồng tứ ai lân. Linh Ngã tội Căn nhất niệm sương dung, tất giai Thanh tịnh.

Chỉ mong Phật Pháp Tăng cùng ban cho thương cảm. Giúp cho các Căn tội Nghiệp của con, một nhớ đọc sương mù tan, tất cả đều Thanh tịnh.

南無求懺悔菩薩摩訶薩。

Nam-mô Cầu sám hối Bồ-tát Ma-ha-tát.

懺悔揭.

Sám hối kệ.

Bài kệ Sám hối.

往昔所造諸惡業。皆由無始貪瞋癡。

Vãng tích sở tạo chư ác Nghiệp. Giai do vô thủy Tham Sân Si.

Xa xưa tạo thành các Nghiệp ác. Do Tham- Sân- Si có từ lâu.

從身口意之所生。今對佛前求懺悔。

Tòng thân khẩu ý chi sở sinh. Kim đối Phật tiền giai Sám hối.

Được sinh ra theo Thân-Khẩu- Ý. Nay trước Phật con xin Sám hối.

罪從心起相心懺。心若滅時罪亦亡。

Tội tòng tâm khởi tương tâm Sám. Tâm nhược diệt thời tội diệt vong.

Sám hối tội lỗi do Tâm tạo. Tội cũng mất khi mà Tâm mất.

心滅罪亡兩句空。是則為名真懺悔。

Tâm diệt tội vong lưỡng câu không. Thị tác vi danh chân Sám hối.

Tâm- Tội mất, hai đều 'Rỗng không'. Mới là chân thực việc Sám hối.

我弟子眾等普為四恩三有，法界眾生。

Ngã đẳng kim phò vị Tứ-ân Tam-hữu, Pháp giới chúng sinh.

Con Đệ Tử chúng sinh...ngày nay rộng khắp vì 4 Ân, 3 Có, Pháp giới chúng sinh.

悉願斷除三障。至誠發願。

Tất nguyện đoạn trừ Tam-chướng. Chí thành phát nguyện.

Nguyện cắt bỏ tất cả 3 chướng ngại. Chí thành phát nguyện.

南無西方極樂世界。三十六萬億。一十一萬。九千五百。同名同號。大慈大悲阿彌陀佛。

Nam-mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Tam Thập Lục Vạn Úc. Nhất Thập Nhất Vạn. Cửu Thiên Ngũ Bách. Đồng Danh Đồng Hiệu. Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.

Thiên Ngũ Bách. Đồng Danh Đồng Hiệu. Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.

我弟子眾等諷誦大乘經咒 . 及禮佛念佛供佛公德 .

Ngã Đệ-tử chúng đặng phúng tụng Đại Thừa Kinh-chú. Cập lễ Phật niệm Phật cúng Phật công Đức.

Con Đệ Tử chúng sinh... đọc to, tụng Kinh Chú Đại Thừa. Cùng với công Đức lễ Phật nhớ Phật cúng Phật.

專為四方莊嚴淨土 . 願無始以來一切怨身 .

Chuyên vì hồi hướng Tây phương trang nghiêm Tịnh độ. Nguyên vô thủy dĩ lai nhất thiết oán thân.

Chuyên vì hồi hướng Đất Phật trang nghiêm Tây phương. Nguyên tất cả oán thân từ xa xưa đến nay.

七祖九弦今生多生師僧父母 . 廣及十方法界一切眾生 .

Thất tổ cửu huyền kim sinh đa sinh Sư Tăng Phụ mẫu. Quảng cập Thập phương Pháp giới nhất thiết chúng sinh.

Bảy tổ 9 ngành, Thầy Tăng Cha mẹ nay sinh nhiều lần sinh. Rộng khắp cùng với 10 phương tất cả chúng sinh.

善惡知識八難三途 , 草木昆蟲 , 卵胎濕化 .

Thiện ác Tri thức bát nạn Tam-đồ, thảo mộc côn trùng noãn thai thấp hóa.

Tri thức thiện ác, 8 nạn, Địa ngục Quỷ đói Súc sinh, cây cỏ côn trùng, sinh từ trứng, bào thai, ẩm thấp, biến hóa.

惑誤剎犯剎一切萬類 . 願解諸一切冤牽 .

Hoặc ngộ sát phạm sát nhất thiết vạn loại. Nguyên giải chư nhất thiết oan khiên.

Hoặc là lỡ sát hại, cố tình sát hại tất cả vạn loại. Nguyên tháo bỏ tất cả các oan khiên.

願消一切諸罪業 . 同證大菩提 , 同生極樂國 .

Nguyên tiêu nhất thiết chư tội Nghiệp. Đồng chứng Đại Bồ-đề, đồng sinh Cực-lạc quốc.

Nguyên tiêu tan tất cả các Nghiệp tội. Cùng chứng Đại Bồ Đề, cùng sinh nước Cực lạc.

南 無娑婆教主本師釋迦牟尼佛

Nam-mô Sa Bà Giáo chủ Bản sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

南無西方極樂世界大慈大悲接引導師阿彌陀佛.

Nam-mô Tây phương Cực-lạc Thế-giới Đại Từ Đại Bi, Tiếp Dẫn Đạo-sư A Di Đà Phật.

南無蓮池海會觀世音大勢至清淨大海眾菩薩摩訶薩

Nam-mô Liên-trì hải hội Quan-thế-âm, Đại-thế-chí. Thanh tịnh đại Hải chúng Bồ-tát Ma-ha-tát.

南無幽冥教主本尊地藏王菩薩摩訶薩

Nam-mô U-minh Giáo chủ Bản tôn Địa-tạng Vương Bồ-tát Ma-ha-tát.

三皈依 .

Tam Quy Y .

Ba Quy Y .

自皈依佛 , 當願眾生 . 體解大道 , 發無上心 .

Tự Quy Y Phật, đương nguyện chúng sinh. Thể giải Đại Đạo, phát Vô-thượng tâm.

Tự Quy Y Phật, đương nguyện chúng sinh. Hiểu rõ Đạo Lớn, phát tâm Bình Đẳng.

自皈依法 , 當願眾生 . 深入經藏智慧如海 .

Tự Quy Y Pháp, đương nguyện chúng sinh. Thâm nhập Kinh Tạng, Trí tuệ như hải.

Tự Quy Y Pháp, đương nguyện chúng sinh. Thâm nhập Kinh Tạng, Trí Tuệ như biển.

自皈依僧 , 當願眾生 . 統理大眾一切無礙 .

Tự Quy Y Tăng, đương nguyện chúng sinh. Thống lý Đại Chúng, nhất thiết vô ngại.

Tự Quy Y Tăng, đương nguyện chúng sinh. Dẫn dắt Đại Chúng, tất cả không trở ngại.

和南聖眾.

Hoà nam Thánh chúng.

Hoà cùng các Thánh.

禮佛經功德殊勝. 無邊勝福皆回向.

Lễ Phật Kinh Công Đức thù thắng. Vô biên thắng Phúc giai hồi hướng.

Lễ Phật Kinh Công Đức đặc biệt. Được Phúc vô biên đều hồi hướng.

普願沉溺諸眾生. 速往無量光佛刹.

Phổ nguyện trầm溺 chư chúng sinh. Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát.

Nguyện khắp chúng sinh đang trầm luân. Nhanh tới đất Phật Vô Lượng Quang.

十方三世一切佛. 一切菩薩摩訶薩. 摩訶般若波羅密. 文殊. 普賢. 觀自在. 摩訶般若波羅密.

Thập phương Tam Thế nhất thiết Phật. Nhất thiết Bồ-tát Ma Ha Tát. Văn Thù- Phổ Hiền- Quan Tự Tại. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

Mười phương Ba Đòai tất cả Phật. Tất cả Bồ-tát Đại Bồ-tát. Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Thế Âm. Trí Tuệ Lớn tới Niết Bàn.

自皈依佛, 兩足尊. 自皈依法, 離欲尊. 自皈依僧, 眾中尊.

Tự Quy Y Phật, lưỡng túc Tôn. Tự Quy y Pháp, ly dục Tôn. Tự Quy Y Tăng, Chúng trung Tôn.

Tự Quy Y Phật, đủ Phúc Đức- Trí Tuệ. Tự Quy Y Pháp, ly rời dục. Tự Quy Y Tăng, thành người tôn quý.

自皈依佛, 不墮地獄. 自皈依法, 不墮餓鬼. 自皈依僧, 不墮畜生.

Tự Quy Y Phật, bất đọa Địa Ngục. Tự Quy Y Pháp bất đọa Ngạ Quỷ. Tự Quy Y Tăng bất đọa Súc Sinh.

Tự Quy Y Phật, không đọa Địa Ngục. Tự Quy Y Pháp, không đọa Quỷ Đói. Tự Quy Y Tăng, không đọa Súc Sinh.

南無西方極樂世界. 三十六萬億. 一十一萬. 九千五百. 同名同號. 大慈大悲. 接引導師阿彌陀佛.

Nam-mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Tam Thập Lục Vạn Úc. Nhất Thập Nhất Vạn. Cửu Thiên Ngũ Bách. Đồng danh đồng hiệu. Đại Từ Đại Bi. Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.

眾生無邊誓願度. 煩惱無盡誓願斷. 法門無量誓願學. 佛道無上誓願成.

Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Phật Đạo Vô-Thượng thệ nguyện thành.

Thệ nguyện độ vô biên Chúng sinh. Thệ nguyện đoạn tất cả Phiền não. Thệ nguyện học vô lượng môn Pháp. Thệ nguyện thành Đạo Phật Bình Đẳng.

自性眾生誓願度. 自性煩惱誓願斷. 自性法門誓願學. 自性佛道誓願成.

Tự Tính chúng sinh thệ nguyện độ. Tự Tính phiền não thệ nguyện đoạn. Tự Tính Pháp Môn thệ nguyện học. Tự Tính Phật đạo thệ nguyện thành.

Thệ nguyện độ Tự Tính chúng sinh. Thệ nguyện đoạn Tự Tính Phiền não. Thệ nguyện học Tự Tính các Pháp. Thệ nguyện thành Tự Tính Đạo Phật.

願消三障諸煩惱. 願得智慧真明了. 普願災障悉消除. 世世常行菩薩道.

Nguyện tiêu Tam Chướng chư phiền não. Nguyện đắc Trí Tuệ chân minh liễu. Phổ nguyện Tai Chướng tất tiêu trừ. Thế thế thường hành Bồ-tát Đạo.

Nguyện tiêu Ba Chương và Phiền não. Nguyện được Trí Tuệ chân sáng tỏ. Nguyện mọi Tai Chương tiêu trừ hết. Đòi đòi thường hành Đạo Bồ-tát.

願生西方淨土中。九品蓮華為父母。花開見佛悟無生。不退菩薩為半侶。

Nguyện sinh Tây Phương Tịnh Độ trung. Cử Phẩm Liên Hoa vi Phụ Mẫu. Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sinh. Bất Thoái Bồ-tát vi bạn lữ.

Nguyện sinh trong nước Cực Lạc. Chín Phẩm Đài Sen là Cha Mẹ. Hoa nở thấy Phật hiểu 'Không Sinh'. Bất Thoái Bồ-tát là Chúng Bạn.

願以此功德。消除宿現業。增長諸福慧。

Nguyện dĩ thử công đức. Tiêu trừ túc hiện Nghiệp. Tăng trưởng chư Phúc Tuệ.

Nguyện đem công đức này, tiêu trừ Nghiệp trước nay. Tăng thêm các Phúc Tuệ.

園成勝善根。所有刀兵劫。及與飢饉等。

Viên thành thắng thiện Căn. Sở hữu đao binh Kiếp. Cập dữ cơ cận đặng.

Đầy đủ các Căn thiện. Nếu có Kiếp đao binh. Cùng với Kiếp đói khổ.

皆悉盡消除。人各習禮讓。讀誦受持人。

Giai tất tận tiêu trừ. Nhân các tập lễ nhượng. Độc tụng thụ trì Nhân.

Đều tất tiêu trừ hết. Người quen tập lễ nhịn. Người ghi nhớ đọc tụng.

展轉流通者。現眷咸安樂。先亡獲超升。

Triển chuyển lưu thông giả. Hiện quyến hàm an lạc. Tiên vong hoạch siêu thăng.

Người phát triển lưu thông. Gia đình được an lạc. Người mất được siêu thăng.

風雨常調順。人民悉康寧。法界諸含識。

Phong vũ thường điều thuận. Nhân dân tất khang ninh. Pháp Giới chư hàm Thức.

Mưa gió thường hoà thuận. Nhân dân được an khang. Pháp Giới và các Thức.

同證無上道。

Đồng chứng Vô-thượng Đạo.

Cùng chứng Đạo Bình Đẳng.

願以此功德。莊嚴佛淨土。上報四重恩。

Nguyện dĩ thử công đức. Trang nghiêm Phật Tịnh Độ. Thượng báo Tứ Trọng Ân.

Nguyện đem công đức này. Trang nghiêm Đất Phật Tịnh. Trên báo Bốn Ân nặng (ân Trời Đất, ân Quốc Vương, ân Thầy, ân Chúng Sinh),

下濟三塗苦。若有見聞者。悉發菩提心。

Hạ tế Tam Đồ Khổ. Nhược hữu kiến văn giả. Tất phát Bồ Đề tâm.

Dưới cứu Ba Đường Khổ (Địa Ngục, Quỷ Đói, Súc Sinh). Nếu có người thấy nghe. Tất phát tâm Bồ Đề.

盡此一報身。同生極樂國。

Tận thử nhất báo thân. Đồng sinh Cực Lạc quốc.

Cuối hết báo thân này. Cùng sinh nước Cực Lạc.

十方三世一切佛。一切菩薩摩訶薩。摩訶般若波羅密。

Thập Phương Tam Thế nhất thiết Phật, nhất thiết Bồ-tát Ma Ha Tát. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

Mười phương Ba Đời tất cả các Phật, tất cả các Bồ-tát Đại Bồ-tát. Trí Tuệ Lớn tới Niết Bàn.

願以此功德。普及於一切。我等與眾生。皆共成佛道。

Nguyện dĩ thử công đức. Phổ cập ư nhất thiết. Ngã đặng dĩ chúng sinh. Giai cộng thành Phật đạo.

Nguyện đem công đức này. Ban khắp cho tất cả. Chúng con và chúng sinh. Đều được thành Đạo Phật.

收經揭:

Thu Kinh kệ.

Bài kệ thu Kinh.

三涂永急常離苦. 六趣休隨汨沒因. 河沙含識悟真如. 萬類有情登彼岸.

Tam-Đồ vĩnh tức thường ly Khổ. Lục Thú hưu tùy Mịch một nhân. Hà sa hàm thức ngộ Chân Như. Vạn loại Hữu-Tình đăng bi Ngạn

Ba Đường Ác dứt thường hết Khổ. Sáu Đạo ngại nghỉ hết nổi chìm. Hà sa các Thức hiểu ‘Chân Như’. Vạn loại Hữu tình đều thành Phật.

南無阿彌陀佛.

Nam-mô A Di Đà Phật.

QUAN VO LUONG THO KINH.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiên Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiên Huyền Phiên Âm & lược dịch.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt 2/2009

No. 365

佛說觀無量壽佛經

Phật thuyết Quan Vô Lượng Thọ Phật Kinh

Phật nói Kinh Quan sát Vô Lượng Thọ Phật.

宋西域三藏量良耶舍譯

Tổng Tây Vực Tam Tạng Cương Lương da xá dịch

如是我聞。一時佛在王舍城耆闍崛山中。

Như thị Ngã văn. Nhất thời Phật tại Vương-Xá thành Kỳ-xà-Quật sơn trung.

Tôi nghe như Thế. Thời đó Phật ở trong núi Kỳ-xà-Quật thành Vương-Xá.

與大比丘眾千二百五十人俱。

Dữ Đại Tì-kheo chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu.

Cùng với chúng Đại Tì-kheo 1.250 người tham dự.

菩薩三萬二千。文殊師利法王子而為上首。

Bồ-tát tam vạn nhị thiên. Văn-thù-sư-lợi Pháp-vương Tử nhi vi thượng thủ.

Bồ-tát có 3 vạn 2 nghìn người. Thầy Văn-thù-sư-lợi Pháp-vương là người đứng đầu.

爾時王舍大城有一太子，名阿闍世。

Nhĩ thời Vương-Xá đại thành hữu nhất Thái-Tử, danh A-xà-thế.

Khi đó thành lớn Vương-Xá có một Thái tử, tên là A-xà-thế.

隨順調達惡友之教，收執父王頻婆娑羅。

Tùy thuận điều đạt ác hữu chi giáo, thu chấp Phụ-vương Tần-bà Ta-la.

Thuận theo lời khuyên của bạn hữu ác, bắt giữ cha mình là Tần-bà Ta-la.

幽閉置於七重室內，制諸群臣一不得往。

U bế trí ư thất trùng thất nội, chế chư quần thần nhất bất đắc vãng.

Nốt trong phòng tối bảy lần cửa, không chế quần thần không được lui tới.

國大夫人名韋提希，恭敬大王，澡浴清淨。

Quốc Đại phu nhân danh Vi-đề-hi, cung kính Đại-vương, tảo dụng thanh tịnh.

Phu nhân của Đại Vương tên là Vi-đề-hi, cung kính Đại Vương, tắm rửa sạch sẽ.

以酥蜜和麩用塗其身，諸瓔珞中盛葡萄漿密以上王。

Dĩ tô mật hòa miến dụng đồ kỳ thân, chư anh lạc trung thịnh bồ đào tương mật dĩ thượng Vương.

Dùng bơ mật trộn với miến dùng quần lên thân, trong các chuỗi ngọc chứa đầy nước mật bồ đào để mang đến cho Vương.

爾時大王，食麩飲漿，求水漱口，漱口畢已。

Nhĩ thời Đại-vương, thực miến ẩm tương, cầu thủy thẩu khẩu, thẩu khẩu tất dĩ.

Khi đó Đại Vương ăn miến uống nước tương, tìm nước súc miệng, súc miệng đã xong.

合掌恭敬，向耆闍崛山遙禮世尊而作是言：

Hợp chưởng cung kính, hướng Kỳ-xà-Quật sơn dao lễ Thế Tôn, nhi tác thị ngôn :

Chắp tay cung kính, hướng về núi Kỳ-xà-Quật từ xa phụng lễ Thế Tôn mà làm lời nói rằng :

大目乾連是吾親友，願興慈悲授我八戒。

Đại Mục-kiền-liên thị Ngô thân hữu, nguyện hưng Từ Bi thụ Ngã Bát-giới.

Đại Mục-kiền-liên là bạn thân của con, xin phát khởi Từ Bi truyền thụ cho con Bát-giới.

時目乾連如鷹隼飛疾至王所。

Thời Mục-kiền-liên như ưng chuẩn phi tất chí Vương sở.

Khi đó Mục-kiền-liên giống như chim ưng bay nhanh tới nơi Vương ở.

日日如是授王八戒。世尊亦遣尊者富樓那。

Nhật nhật như thị thụ Vương Bát-giới. Thế Tôn diệc khiển Tôn-Giả Phú-lâu-na.

Hàng ngày như thế truyền thụ Bát-giới cho Vương. Thế Tôn cũng sai khiến Tôn-giả Phú-lâu-na.

為王說法，如是時間經三七日。

Vì Vương thuyết Pháp, như thị thời gian kinh tam thất nhật.

Vì Vương nói Pháp, như thế thời gian trải qua 21 ngày.

王食麩蜜得聞法故，顏色和悅。時阿闍世問守門人。

Vương thực miến mật đắc văn Pháp cố, nhan sắc hòa duyệt. Thời A-xà-thế vấn thủ môn nhân :

Vương ăn miến mật lại được nghe Pháp, nhan sắc tươi đẹp vui vẻ. Khi đó A-xà-thế hỏi lính canh cửa :

父王今者猶存在耶？時守門者白言：大王！

Phụ-vương kim giả do tồn tại da ? Thời thủ môn giả bạch ngôn : Đại-vương !

Phụ Vương do cái gì mà còn tồn tại ? Khi đó lính canh cửa bạch nói rằng : Đại Vương !

國大夫人身塗麩蜜，瓔珞盛漿持用上王。

Quốc Đại phu nhân thân đồ miến mật, anh lạc thịnh tương trì dụng thượng Vương.

Phu nhân của cha Ngài thân quần miến mật, chuỗi ngọc chứa đầy nước tương mang đến cho Vương dùng.

沙門目連及富樓那，從空而來為王說法。

Sa-môn Mục-liên cập Phú-lâu-na, tòng không nhi lai vị Vương thuyết Pháp.

Sa-môn Mục-liên và Phú-nâu-na, từ không trung tới vì Vương nói Pháp.

不可禁制。時阿闍世聞此語已。

Bất khả cấm chế. Thời A-xà-thế văn thử ngữ dĩ.

Không thể ngăn cấm được. Khi đó A-xà-thế nghe được lời đó rồi.

怒其母曰：我母是賊，與賊為伴。沙門惡人。

Nộ kỳ mẫu viết : Ngã mẫu thị tặc, dữ tặc vi bạn. Sa-môn ác nhân.

Tức giận nạt nộ mẹ rằng : Mẹ của con là phản tặc, coi phản tặc là bạn. Sa môn là người ác.

幻惑呪術，令此惡王多日不死。

Huyễn hoặc chú thuật, linh thử ác Vương đa nhật bất tử.

Huyễn hoặc bùa chú Pháp thuật, giúp cho Vương ác đó nhiều ngày không chết.

即執利劍欲害其母。時有一臣名曰月光，聰明多智。

Tức chấp lợi kiếm dục hại kỳ mẫu. Thời hữu nhất Thần danh viết Nguyệt-quang, thông minh đa trí.

Tức thì cầm kiếm sắc muốn hại mẹ của mình. Thời có một Đại thần tên là Nguyệt-quang thông minh nhiều trí tuệ.

及與耆婆，為王作禮白言：大王！

Cập dữ Kỳ-bà vị Vương tác lễ bạch ngôn : Đại-vương !

Cùng với Kỳ-bà vị Vương hành lễ bạch nói rằng : Đại Vương !

臣聞毘陀論經說，劫初已來，有諸惡王貪國位故。

Thần văn Tì-đà-luận Kinh thuyết, Kiếp sơ dĩ lai, hữu chư ác Vương tham quốc vị cố.

Thần nghe Kinh Tì-đà-luận nói, từ Kiếp đầu tiên tới nay, chỉ có Vương ác do tham Vương vị.

殺害其父一萬八千，未曾聞有無道害母。

Sát hại kỳ Phụ nhất vạn bát thiên, vị tăng văn hữu vô đạo hại mẫu.

Sát hại Cha của mình 1 vạn 8 nghìn người, chưa từng được nghe người vô đạo giết hại Mẹ.

王今為此殺逆之事，污刹利種，臣不忍聞。

Wang kim vị thử sát nghịch chi sự, ô sát Lợi chủng, Thần bất nhẫn văn.

Wang nay làm việc sát hại nghịch đạo này, ô uế giòng tộc, Thần nghe không thể nhin được.

是梅陀羅，我等不宜復住於此。

Thị chiêm Đà-la, Ngã đẳng bất nghi phục trụ ư thử.

Đây là việc ác lớn, chúng thần không muốn ở lại đây nữa.

時二大臣說此語竟，以手按劍却行而退。

Thời nhị Đại thần thuyết thử ngữ cánh, dĩ thủ án kiếm khước hành nhi thoái.

Khi đó hai vị Đại thần nói xong lời đó, tay cầm chuôi kiếm khước từ ra đi.

時阿闍世驚怖惶懼，告耆婆言：汝不為我耶？耆婆白言：

Thời A-xà-thế kinh bố hoàng cụ, cáo Kỳ-bà ngôn : Nhữ bất vị Ngã da ? Kỳ-bà bạch ngôn :

Khi đó A-xà-thế hốt hoảng sợ hãi, bảo Kỳ-bà nói rằng : Ông không vì ta sao ? Kỳ-bà bạch nói rằng :

大王！慎莫害母。王聞此語懺悔求救。

Đại-vương ! Thận mạc hại Mẫu. Vương văn thử ngữ sám hối cầu cứu.

Đại Vương ! Thận trọng không được giết hại Mẹ. Vương nghe lời nói này sám hối cầu cứu.

即便捨劍止不害母，勅語內官：

Tức tiện xả kiếm chỉ bất hại mẫu, sắc ngữ nội quan.

Tức thời liền buông kiếm dừng lại không sát hại Mẹ, bảo quan coi nội cung :

閉置深宮不令復出。時韋提希被幽閉已，愁憂憔悴。

Bế trí thâm cung bất linh phục xuất. Thời Vi-đề-hi bị u bế dĩ, sầu ưu tiêu tuy,

Bố trí nhốt trong cung cấm không được cho ra ngoài. Khi đó Vi-đề-hi đã bị nhốt trong cấm cung, ưu sầu mệt mỏi.

遙向耆闍崛山，為佛作禮而作是言：

Dao hướng Kỳ-xà-Quật sơn, vị Phật tác lễ nhi tác thị ngôn :

Từ xa hướng về núi Kỳ-xà-Quật, vì Phật phục lễ mà làm lời nói rằng :

如來世尊在昔之時，恒遣阿難來慰問我。

Như Lai Thế Tôn tại tích chi thời, hằng khiển A-nan lai úy vấn Ngã.

Thế Tôn Như Lai thời gian trước đây, thường cử A-nan tới an ủi thăm hỏi con.

我今愁憂，世尊威重無由得見，

Ngã kim sầu ưu, Thế Tôn uy trọng vô do đắc kiến.

Con nay sầu ưu, Thế Tôn uy trọng do còn chưa được nhìn thấy.

願遣目連尊者阿難，與我相見。作是語已。

Nguyện khiển Mục-liên Tôn-giả A-nan, dữ Ngã tương kiến. Tác thị ngữ dĩ.

Nguyện cử Mục-liên Tôn-giả A-nan, cho con được gặp. Làm lời nói đó xong.

悲泣兩淚遙向佛禮，未舉頭頃。爾時世尊在耆闍崛山。

Bi khắp vú lệ dao hướng Phật lễ, vị cử đầu khoảnh. Nhĩ thời Thế Tôn tại Kỳ-xà-Quật sơn.

Khóc thảm thiết nước mắt tuôn trào, từ xa hướng tới nơi Phật ở phục đĩnh lễ, trong giây phút chưa kịp ngước nhìn lên. Khi đó Thế Tôn ở núi Kỳ-xà-Quật.

知韋提希心之所念。即勅大目犍連及以阿難。

Tri Vi-đề-hi tâm chi sở niệm. Tức sắc Đại Mục-kiền-liên cập dĩ A-nan.

Biết mong muốn trong tâm của Vi-đề-hi. Tức thì sai Đại Mục-kiền-liên cùng với A-nan.

從空而來。佛從耆闍崛山沒，於王宮出。

Tòng không nhi lai. Phật tòng Kỳ-xà-Quật sơn một, ư Vương cung xuất.

Từ trên không mà tới. Phật từ núi Kỳ-xà-Quật đứng dậy, ra khỏi Vương cung.

時韋提希禮已舉頭，見世尊釋迦牟尼佛。

Thời Vi-đề-hi lễ dĩ cử đầu, kiến Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật.

Khi đó Vi-đề-hi lễ Phật xong ngước đầu nhìn lên, trông thấy Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật.

身紫金色坐百寶蓮華。目連侍左。

Thân tử kim sắc tọa bách bảo Liên hoa. Mục-liên thị tả.

Thân sắc vàng tía ngồi trên hoa Sen bằng trăm vật báu. Mục-liên đứng bên trái.

阿難在右。釋梵護世諸天在虛空中。

A-nan tại hữu. Thích Phạm hộ thế chư Thiên tại hư không trung.

A-nan đứng bên phải. Thích-Phạm bảo vệ thế gian các người Trời ở trong không trung.

普雨天華持用供養。時韋提希見佛世尊。

Phổ vũ Thiên hoa trì dụng cúng dường. Thời Vi-đề-hi kiến Phật Thế Tôn.

Rải hoa Trời khắp nơi dùng để cúng dường. Khi đó Vi-đề-hi nhìn thấy Phật Thế Tôn.

自絕瓔珞舉身投地，號泣向佛白言：世尊！

Tự tuyệt anh lạc cử thân đầu địa, hào khắp hướng Phật bạch ngôn : Thế Tôn !

Tự cởi chuỗi ngọc anh lạc phục đất đĩnh lễ, khóc rơi nước mắt hướng về phía Phật bạch nói rằng : Thế Tôn !

我宿何罪生此惡子？世尊！復有何等因緣。

Ngã túc hà tội sinh thử ác tử ? Thế Tôn ! Phục huĩ hà đẳng Nhân-duyên.

Con Kiếp trước phạm tội gì sinh đứa con độc ác này ? Thế Tôn! Lại có các Nhân duyên gì.

與提婆達多共為眷屬。唯願世尊，為我廣說無憂惱處。

Dữ Đề-bà đạt-đa cộng vi quyến thuộc ? Duy nguyện Thế Tôn, vị Ngã quảng thuyết vô ưu não xứ.

Với Đề-bà đạt-đa cùng là thân thích ? Mong muốn Thế Tôn, rộng lòng vì con nói nơi không có phiền não.

我當往生，不樂閻浮提濁惡世也。

Ngã đương vãng sinh, bất nhạo Diêm-phù-đề trọc ác thế dã.

Con cần vãng sinh, không thích ở Diêm-phù-đề Trời trọc ác này nữa.

此濁惡處，地獄餓鬼畜生盈滿，多不善聚。

Thử trợ ác xứ, Địa-ngục Ngạ-quỷ Súc-sinh doanh mẫn, đa bất thiện tự.

Nơi trợ ác này, Địa-ngục Quỷ-đồi Súc-sinh tràn đầy khắp nơi, phần nhiều tự tập không thiện.

願我未來不聞惡聲，不見惡人。

Nguyện Ngã Vị lai bất văn ác thanh, bất kiến ác nhân.

Con nguyện ở đời Tương lai không nghe thấy tiếng ác, không gặp người ác.

今向世尊五體投地，求哀懺悔。

Kim hướng Thế Tôn ngũ thể đầu địa, cầu ai sám hối.

Nay con hướng về Thế Tôn phục đảnh lễ, cầu xin sám hối.

唯願佛日教我觀於清淨業處。爾時世尊放眉間光。

Duy nguyện Phật nhật giáo Ngã quan ư Thanh tịnh Nghiệp xứ. Nhĩ thời Thế Tôn phóng my gian quang .

Mong muốn Thế Tôn hôm nay dạy con quan sát nơi Nghiệp Thanh tịnh. Khi đó Thế Tôn phóng quang giữa mi.

其光金色，遍照十方無量世界，還住佛頂。

Kỳ quang kim sắc, biến chiếu thập phương vô lượng Thế giới, hoàn trụ Phật đỉnh.

Quang này sắc vàng, lan tỏa chiếu soi khắp mười phương vô lượng Thế giới, quay trở lại ở trên đỉnh đầu của Phật.

化為金臺如須彌山，十方諸佛淨妙國土，皆於中現。

Hóa vi kim đài như Tu-Di sơn, thập phương chư Phật tịnh diệu quốc thổ, giai ư trung hiện.

Hóa ra Đài sen bằng vàng như núi Tu Di, Đất nước Tịnh diệu của các Phật mười phương, đều hiện ra ở trong đó.

或有國土七寶合成，復有國土純是蓮花。

Hoặc hữu quốc thổ thất bảo hợp thành, phục hữu quốc thổ thuần thị Liên hoa.

Hoặc có đất Phật do bảy báu hợp thành, lại có đất Phật toàn là hoa Sen.

復有國土如自在天宮，復有國土如玻璃鏡。

Phục hữu quốc thổ như Tự-tại Thiên cung, phục hữu quốc thổ như pha-lê kính.

Lại có đất Phật giống như cung điện Trời Tự tại, lại có đất Phật như kính pha lê.

十方國土皆於中現。有如是等無量諸佛國土嚴顯可觀。

Thập phương quốc thổ giai ư trung hiện. Hữu như thị đẳng vô lượng chư Phật quốc thổ nghiêm hiện khả quan.

Đất Phật mười phương đều hiện ra trong đó. Có rất nhiều vô lượng đất Phật nghiêm tịnh như thế hiển hiện ra có thể quan sát.

令韋提希見，時韋提希白佛言：

Linh Vi-đề-hi kiến, thời Vi-đề-hi bạch Phật ngôn：

Giúp Vi-đề-hi nhìn thấy, khi đó Vi-đề-hi bạch Phật nói rằng：

世尊！是諸佛土，雖復清淨皆有光明。

Thế Tôn！Thị chư Phật thổ, tuy phục thanh tịnh giai hữu Quang-minh.

Thế Tôn！Các đất Phật đó, tuy cũng Thanh tịnh đều có Quang sáng.

我今樂生極樂世界阿彌陀佛所。唯願世尊。

Ngã kim nhạo sinh Cực-lạc Thế giới A Di Đà Phật sở. Duy nguyện Thế Tôn.

Con nay ham thích sinh ở Cực-lạc Thế giới nơi ở của A Di Đà Phật. Mong muốn Thế tôn.

教我思惟教我正受。爾時世尊即便微笑。

Giáo Ngã tư duy giáo Ngã Chính-thụ. Nhĩ thời Thế Tôn tức tiếu vi tiếu.

Dạy con tư duy dạy con thu nhận đúng. Khi đó Thế Tôn tức thì mỉm cười.

有五色光從佛口出。一一光照頻婆娑羅王頂。爾時大王雖在幽閉。

Hữu ngũ sắc quang tòng Phật khẩu xuất, nhất nhất quang chiếu Tần-bà sa-la Vương đỉnh. Nhĩ thời Đại Vương tụy tại u bế.

Có quang 5 sắc từ miệng Phật bay ra, mỗi một ánh quang chiếu lên đỉnh đầu Vương Tần-bà sa-la. Khi đó Đại vương tụy bị nhốt trong phòng tối.

心眼無障遙見世尊，頭面作禮，自然增進成阿羅含。

Tâm nhãn vô chướng dao kiến Thế Tôn, đầu diện tác lễ, tự nhiên tăng tiến thành A-la-hàm.

Tâm Trí tuệ không có chướng ngại từ xa nhìn thấy Thế Tôn, phục đầu đỉnh lễ, tự khắc tăng tiến thành A-la-hàm.

爾時世尊告韋提希：汝今知不？

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Vi-đề-hi : Nhữ kim tri phủ ?

Khi đó Thế Tôn bảo Vi-đề-hi : Nay Ngài biết rồi phải không ?

阿彌陀佛去此不遠，汝當繫念諦觀彼國淨業成者。

A Di Đà Phật khứ thử bất viễn, Nhữ đương hệ niệm để quan bỉ quốc Tịnh Nghiệp thành giả.

Từ đây đến nơi A Di Đà Phật không xa, Ngài cần luôn suy nghĩ quan sát thành công Nghiệp đúng Thanh tịnh của đất Phật đó.

我今為汝廣說眾譬，亦令未來世一切凡夫。

Ngã kim vị Nhữ quảng thuyết chúng thí, diệc linh Vị-lai thế nhất thiết Phàm-phu.

Ta nay vì Ngài nói rộng khắp một vài ví dụ, cũng để giúp cho tất cả những người Phàm trần trong đời Tương lai.

欲修淨業者，得生西方極樂國土。欲生彼國者，當修三福。

Dục tu Tịnh-nghiệp giả, đắc sinh Tây phương Cực-Lạc quốc thổ. Dục sinh bỉ quốc giả, đương tu Tam-phúc.

Muốn tu Nghiệp Thanh tịnh, được sinh ở Tây phương Cực Lạc Thế giới. Muốn sinh đất nước đó, cần phải tu 3 Phúc.

一者：孝養父母，奉事師長，慈心不殺，修十善業。

Nhất giả : Hiếu dưỡng Phụ mẫu, phụng sự Sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập-thiện Nghiệp.

Một là : Hiếu dưỡng Cha mẹ, tuân theo Sư trưởng, từ tâm không sát hại sinh linh, tu 10 Nghiệp thiện.

二者受持三歸，具足眾戒，不犯威儀。

Nhị giả : Thụ trì Tam-quy, cụ túc chúng Giới, bất phạm uy nghi.

Hai là : Ghi nhớ đi theo Phật Pháp Tăng, tu đủ 10 Giới thiện, không vi phạm uy nghi.

三者：發菩提心，深信因果，讀誦大乘，勸進行者。

Tam giả : Phát Bồ-đề tâm, thâm tín Nhân-quả, đọc tụng Đại-thừa, khuyến tiến hành giả.

Ba là : Phát tâm Bồ-đề, tin tưởng thâm sâu Nhân quả, đọc tụng Kinh Đại-thừa, khuyến khích Tinh tiến tu hành.

如此三事名為淨業。佛告韋提希：汝今知不？

Như thử tam sự danh vi Tịnh-nghiệp. Phật cáo Vi-đề-hi : Nhữ kim tri phủ ?

Ba việc như thế tên là Nghiệp Thanh tịnh. Phật bảo Vi-đề-hi : Ngài nay rõ cả chứ ?

此三種業乃是過去未來現在，三世諸佛淨業正因。

Thử tam chủng Nghiệp nãi thị Quá-khứ Vị-lai Hiện-tại, Tam-thế chư Phật Tịnh-nghiệp chính nhân.

Ba loại Nghiệp này thậm chí trong thời Quá khứ Hiện tại Tương lai, là nguyên nhân chính Tịnh nghiệp của Ba đời các Phật .

佛告阿難及韋提希：諦聽！諦聽善思念之！如來今者，為未來世一切眾生。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi : Để thính ! Để thính thiện tư niệm chi ! Như Lai kim giả, vị Vĩ-lai thể nhất thiết chúng sinh.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi : Nghe tuệ ! Nghe tuệ tư duy tuệ tu tuệ ! Ngày nay Như Lai, vì tất cả chúng sinh đời Tương lai.

為煩惱賊之所害者，說清淨業。善哉！韋提希快聞此事。

Vị phiền não tặc chi sở hại giả, thuyết Thanh tịnh Nghiệp. Thiện tai ! Vi-đề-hi khoái vấn thử sự. Vì tác hại của giặc Phiền não, nói Nghiệp Thanh tịnh. Thiện thay ! Vi-đề-hi nhanh hỏi điều này.

阿難！汝當受持廣為多眾宣說佛語。如來今者，教韋提希及未來世一切眾生。

A-nan ! Nhữ đương thụ trì quảng vị đa chúng tuyên thuyết Phật ngữ. Như Lai kim giả, giáo Vi-đề-hi cập Vĩ-lai thể nhất thiết chúng sinh.

A-nan ! Ngài cần ghi nhớ vì các chúng sinh khắp nơi nói đọc lời Phật dạy. Như Lai ngày nay, dạy Vi-đề-hi và tất cả chúng sinh đời Tương lai.

觀於西方極樂世界。以佛力故，當得見彼清淨國土。

Quan ư Tây phương Cực-lạc Thế giới. Dĩ Phật lực cố, đương đắc kiến bỉ Thanh tịnh Quốc thổ. Quan sát Tây phương Cực-lạc Thế giới. Do vì Thần lực của Phật, đang được nhìn thấy đất Phật Thanh tịnh đó.

如執明鏡自見面像，見彼國土極妙樂事。

Như chấp minh kính tự kiến diện tượng, kiến bỉ quốc thổ cực diệu lạc sự.

Như cầm gương sáng tự nhìn thấy khuôn mặt của mình, nhìn thấy các việc rất vi diệu của đất Phật đó.

心歡喜故，應時即得無生法忍。

Tâm hoan hỷ cố, ứng thời tức đắc Vô-sinh Pháp-nhẫn.

Do tâm vui mừng, gặp thời tức thì được Pháp nhẫn Không sinh (Bồ-tát bậc 7-10).

佛告韋提希：汝是凡夫心想羸劣，未得天眼，不能遠觀。

Phật cáo Vi-đề-hi: Nhữ thị Phàm-phu tâm tưởng luy liệt, vị đắc Thiên nhãn, bất năng viễn quan.

Phật bảo Vi-đề-hi : Ngài là người Phàm trần tâm tưởng mệt mỏi yếu đuối, chưa có được Trí tuệ nhìn thấy Cõi Trời, không có khả năng quan sát được xa.

諸佛如來有異方便，令汝得見。時韋提希白佛言：世尊！

Chư Phật Như Lai hữu dị Phương tiện, linh Nhữ đắc kiến. Thời Vi-đề-hi bạch Phật ngôn : Thế Tôn !

Các Phật Như Lai có Phương tiện khác, giúp Ngài nhìn thấy được. Khi đó Vi-đề-hi bạch Phật nói rằng : Thế Tôn !

如我今者以佛力故見彼國土。若佛滅後諸眾生等。

Như Ngã kim giả dĩ Phật lực cố kiến bỉ Quốc thổ. Nhược Phật diệt hậu chư chúng sinh đẳng.

Như con hôm nay do được Thần lực của Phật nhìn thấy Đất Phật đó. Nếu sau khi Phật Tịch thế các chúng sinh đó.

濁惡不善五苦所逼。云何當見阿彌陀佛極樂世界？

Trọc ác bất thiện Ngũ-khổ sở bức. Vân hà đương kiến A Di Đà Phật Cực-lạc Thế giới ?

Bị bức bách bởi 5 đau khổ Đòi trọc ác không thiện. Làm thế nào được nhìn thấy Cực-lạc Thế giới của A Di Đà Phật ?

佛告韋提希：汝及眾生，應當專心，繫念一處，想於西方。

Phật cáo Vi-đề-hi : Nhữ cập chúng sinh, ứng đương chuyên tâm, hệ niệm nhất xứ, tưởng ư Tây phương.

Phật bảo Vi-đề-hi : Ngài và chúng sinh, cần phải chuyên tâm luôn suy nghĩ về một nơi, tưởng nhớ về Tây phương.

云何作想？凡作想者。

Vân hà tác tưởng ? Phàm tác tưởng giả.

Tưởng nhớ như thế nào ? Nếu người làm tưởng nhớ.

一切眾生自非生盲，有目之徒皆見日沒，當起想念。

Nhất thiết chúng sinh tự phi sinh manh, hữu mục chi đồ giai kiến Nhật một, đương khởi tưởng niệm.

Tất cả chúng sinh trừ khi sinh ra đã mù, người có mắt đều nhìn thấy mặt Trời lặn, nên cần sinh khởi tưởng nhớ.

正坐西向諦觀於日，令心堅住。

Chính tọa Tây hướng để quan ư Nhật, linh tâm kiên trụ.

Ngồi chính hướng Tây quan sát đúng mặt Trời, giúp tâm ở lại kiên cố.

專想不移，見日欲沒狀如懸鼓，既見日已。

Chuyên tưởng bất di, kiến Nhật dục một trạng như huyền cổ, ký kiến Nhật dĩ.

Chuyên tưởng nhớ không thay đổi, nhìn thấy mặt Trời lặn trạng thái giống như cái trống treo, đã nhìn thấy mặt Trời rồi.

閉目開目皆令明了。是為日想，名曰初觀。

Bế mục khai mục giai linh minh liễu. Thị vi Nhật tưởng, danh viết sơ quan.

Nhắm mắt mở mắt đều giúp nhìn cho rõ. Đó là tưởng nhớ mặt Trời, tên là quan sát thứ nhất.

作是觀者名為正觀，若他觀者名為邪觀。

Tác thị quan giả danh vi chính quan, nhược tha quan giả danh vi tà quan.

Người làm quan sát như thế tên là quan sát đúng, nếu quan sát khác đi tên là quan sát sai lệch.

佛告阿難及韋提希：初觀成已，次作水想。

Phật cáo A-nan cập Vi-đê-hi : Sơ quan thành dĩ, thứ tác thủy tưởng.

Phật bảo A-nan và Vi-đê-hi : Quan sát thứ nhất đã thành công, tiếp theo tưởng nhớ đến nước.

想見西方一切皆是大水，見水澄清。

Tưởng kiến Tây phương nhất thiết giai thị Đại thủy, kiên thủy trừng thanh.

Tưởng nhớ nhìn thấy Tây phương tất cả đều là biển nước lớn, nhìn thấy nước trong sạch.

亦令明了，無分散意。既見水已當起水想。

Diệc linh minh liễu, vô phân tán ý. Ký kiến thủy dĩ đương khởi băng tưởng.

Cũng nhìn thấy rõ ràng, ý không phân tán. Đã nhìn thấy nước nên sinh khởi tưởng nhớ đến băng đá.

見冰映徹作琉璃想，此想成已。

Kiến băng ánh triệt tác lưu ly tưởng, thử tưởng thành dĩ.

Nhìn thấy băng đá phát sáng tưởng nhớ như là lưu ly, tưởng nhớ này đã thành công.

見琉璃地內外映徹。下有金剛七寶金幢，擎琉璃地。

Kiến lưu ly địa nội ngoại ánh triệt. Hạ hữu Kim cương thất bảo kim tràng, kinh lưu ly địa.

Nhìn thấy Đất bằng lưu ly trong ngoài phát sáng. Phía dưới có tòa Kim cương vàng bảy báu vật, đỡ Đất bằng lưu ly.

其幢八方八楞具足，一一方面百寶所成。

Kỳ tràng bát phương bát lăng cụ túc, nhất nhất phương diện bách bảo sở thành.

Tòa đó có đầy đủ tám hướng tám mặt, mỗi một hướng một mặt do trăm báu vật tạo thành.

一一寶珠有千光明，一光明八萬四千色，映琉璃地。

Nhất nhất bảo châu hữu thiên Quang-minh, nhất Quang-minh bát vạn tứ thiên sắc, ánh lưu ly địa.

Mỗi một châu quý có nghìn Quang sáng, một Quang sáng có 8 vạn 4 nghìn sắc, soi sáng đất bằng lưu ly.

如億千日不可具見。琉璃地上，

Như ức thiên Nhật bất khả cụ kiến. Lưu ly địa thượng.

Như triệu nghìn mặt Trời không thể nhìn thấy hết. Trên đất bằng lưu ly.

以黃金繩雜廁間錯，以七寶界分齊分明。

Dĩ hoàng kim thăng tạp xí gian thác, dĩ thất bảo giới phân tề phân minh.

Dùng dây bằng vàng lẫn lộn nhiều loại, dùng bảy báu phân cách thành hàng lối rõ ràng.

一一寶中有五百色光，其光如花，又似星月。

Nhất nhất bảo trung hữu ngũ bách sắc quang, kỳ quang như hoa, hựu tựa Tinh Nguyệt.

Trong mỗi báu vật có 500 sắc quang, quang đó như hoa, lại giống như Trăng như Sao.

懸處虛空成光明臺，樓閣千萬百寶合成。

Huyền xử hư không thành Quang-minh đài, Lâu-các thiên vạn bách bảo hợp thành.

Treo ở trong khoảng không thành Đài Quang sáng, Lầu các do nghìn vạn trăm báu vật hợp thành.

於臺兩邊各有百億花幢無量樂器，以為莊嚴。

Ư đài lưỡng biên các hữu bách ức hoa tràng vô lượng nhạc khí, dĩ vi trang nghiêm.

Ở hai bên Đài từng bên có trăm triệu cờ hoa vô lượng nhạc cụ, dùng để trang nghiêm.

八種清風從光明出，鼓此樂器。

Bát chủng thanh phong tông Quang-minh xuất, cổ thử nhạc khí.

Tám loại gió mát từ trong Quang sáng phát ra, cổ vũ cho các nhạc cụ đó.

演說苦空無常無我之音。是為水想，名第二觀。

Diễn thuyết 'khô, không, Vô-thường, Vô-ngã' chi âm. Thị vi thủy tưởng, danh đệ nhị quan.

Diễn thuyết âm thanh : Khô, Rỗng không, Biến đổi, Không có bản thân. Đây là tưởng nhớ đến nước, tên là quan sát thứ hai.

此想成時，一一觀之極令了了，閉目開目不令散失。

Thử tưởng thành thời, nhất nhất quan chi cực linh liễu liễu, bệ mục khai mục bất linh tán thất.

Khi tưởng nhớ này thành công, mỗi một quan sát thật là rõ ràng, nhắm mắt mở mắt không bị tan mất.

唯除食時，恒憶此事。作此觀者名為正觀。

Duy trừ thực thời, hằng ức thử sự. Tác thử quan giả danh vi chính quan.

Duy trừ lúc ăn, thường tưởng nhớ việc này. Quan sát như thế tên là quan sát đúng.

若他觀者名為邪觀。佛告阿難及韋提希：

Nhược tha quan giả danh vi tà quan. Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi：

Nếu quan sát khác đi tên là quan sát sai lệch. Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi：

水想成已，名為粗見極樂國地。若得三昧。

Thủy tưởng thành dĩ, danh vi thô kiến Cực-Lạc Quốc địa. Nhược đắc Tam-muội.

Tưởng nhớ nước đã thành công, tên là nhìn thấy sơ bộ Đất nước Cực-lạc. Nếu được Tam-muội.

見彼國地了了分明，不可具說。是為地想，名第三觀。

Kiến bỉ Quốc địa liễu liễu phân minh, bất khả cụ thuyết. Thị vi địa tưởng, danh đệ tam quan.

Nhìn thấy Đất của nước đó rõ ràng phân minh, nói không thể hết được. Đó là tưởng nhớ về đất, tên là quan sát thứ 3.

佛告阿難：汝持佛語。

Phật cáo A-nan : Nhữ trì Phật ngữ,

Phật bảo A-nan : Ngài giữ lời dạy của Phật.

為未來世一切大眾欲脫苦者，說是觀地法。若觀是地者。

Vị Vị-lai thế nhất thiết Đại chúng dục thoát khổ giả, thuyết thị quan địa Pháp. Nhược quan thị địa giả.

Vì tất cả Đại chúng đời Tương lai muốn thoát đau khổ, nói phương pháp quan sát Đất đỏ. Nếu người quan sát Đất đỏ

除八十億劫生死之罪，捨身他世必生淨國。

Trừ bát thập ức Kiếp sinh tử chi tội, xả thân tha thế tất sinh tịnh quốc.

Trừ diệt tội sinh chết của 80 triệu Kiếp, bỏ thân sang đời khác nhất định sinh ở nước Thanh tịnh.

心得無疑。作是觀者名為正觀。

Tâm đắc vô nghi. Tác thị quan giả danh vi chính quan.

Tâm được không nghi hoặc. Người làm quan sát đó tên là quan sát đúng.

若他觀者名為邪觀。佛告阿難及韋提希：地想成已，

Nhược tha quan giả danh vi tà quan. Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi : Địa tưởng thành dĩ.

Nếu quan sát khác đi tên là quan sát sai lệch. Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi : Tưởng nhớ Đất đã thành công.

次觀寶樹。觀寶樹者。

Thứ quan Bảo-thụ. Quan Bảo-thụ giả.

Tiếp theo quan sát cây báu. Người quan sát Cây báu.

一一觀之作七重行樹想，一一樹高八千由旬。

Nhất nhất quan chi tác thất trùng hàng thụ tưởng, nhất nhất thụ cao bát thiên Do-tuần.

Mỗi một quan sát tưởng nhớ có bảy hàng Cây báu, mỗi một Cây cao 160 nghìn km.

其諸寶樹七寶花葉無不具足，一一華葉作異寶色。

Kỳ chư Bảo-thụ thất bảo hoa diệp vô bất cụ túc, nhất nhất hoa diệp tác dị bảo sắc.

Hoa lá bằng bảy báu của các Cây báu đó tất cả đầy đủ, mỗi một hoa lá tạo thành các màu sắc quý khác nhau.

琉璃色中出金色光。玻璃色中出紅色光。

Lưu ly sắc trung xuất kim sắc quang. Pha-lê sắc trung xuất hồng sắc quang.

Trong sắc lưu ly phát ra quang sắc vàng. Trong sắc pha lê phát ra quang sắc hồng.

馬腦色中出磳磳光。磳磳色中出綠真珠光。

Mã não sắc trung xuất xa cừ quang. Xa cừ sắc trung xuất lục trân châu quang.

Trong sắc mã não phát ra quang sắc xa cừ. Trong sắc xa cừ phát ra quang sắc trân châu màu xanh.

珊瑚琥珀一切眾寶以為映飾。妙真珠網彌覆樹上。

San hô hổ phách nhất thiết chúng bảo dĩ vi ánh sức. Diệu trân châu võng di phúc thụ thượng.

San hô hổ phách tất cả các vật báu dùng để chiếu soi trang sức. Võng lưới châu quý giăng che phủ trên cây.

一一樹上有七重網，一一網間有五百億妙華宮殿。

Nhất nhất thụ thượng hữu thất trùng võng. Nhất nhất võng gian hữu ngũ bách ức diệp hoa Cung-điện.

Trên mỗi một cây có bảy lớp võng lưới. Giữa các lớp võng lưới có 500 triệu Cung điện bằng hoa quý.

如梵王宮，諸天童子自然在中。

Như Phạm-vương cung, chư Thiên Đồng-tử tự nhiên tại trung.

Giống như Cung điện của Phạm Vương, các Thiên Đồng-tử tự khắc ở trong đó.

一一童子有五百億釋迦毘楞伽摩尼寶以為瓔珞。

Nhất nhất Đồng tử hữu ngũ bách ức Thích-ca Tì-lăng-già Ma-ni bảo dĩ vi anh lạc.

Mỗi một Đồng tử có 500 triệu Thích-ca Tì-lăng-già Như ý châu dùng làm chuỗi ngọc.

其摩尼光照百由旬，猶如和合百億日月，不可具名。

Kỳ Ma-ni quang chiếu bách Do-tuần, do như hòa hợp bách ức Nhật Nguyệt, bất khả cụ danh. Quang của châu Như ý đó chiếu soi 2.000 km, giống như hòa hợp trăm triệu mặt Trăng mặt Trời, không thể kể hết tên.

眾寶間錯色中上者。此諸寶樹行行相當，葉葉相次。

Chúng bảo gian thác sắc trung thượng giả. Thử chư Bảo-thụ, hàng hàng tương đương, điệp điệp tương thứ.

Giữa các vật báu, sắc đan xen nhau ở trên ở giữa. Các cây báu đó, hàng hàng đều nhau, lá lá kề nhau.

於眾葉間生諸妙花，花上自然有七寶果。一一樹葉。

Ư chúng điệp gian sinh chư diệu hoa, hoa thượng tự nhiên hữu thất bảo quả. Nhất nhất thụ điệp.

Ở giữa các lá sinh các hoa quý, trên hoa tự khắc có quả bằng bảy báu. Mỗi một lá cây.

縱廣正等二十五由旬。其葉千色有百種畫，如天纓珞。

Túng quảng chính đẳng nhị thập ngũ Do-tuần. Kỳ điệp thiên sắc hữu bách chủng họa, như Thiên anh lạc.

Dài rộng khoảng 500 km. Lá nghìn sắc đó có trăm loại họa tiết, như tua rua Trời.

有眾妙華作閻浮檀金色，如旋火輪，宛轉葉間涌生諸果。

Hữu chúng diệu hoa tác diêm phù đàn kim sắc, như toàn hỏa luân, uyển chuyển điệp gian dũng sinh chư quả.

Có các hoa quý tạo thành sắc vàng Diêm-phù-đàn, như bánh xe lửa xoay tròn, uyển chuyển giữa các lá, xuất sinh ra các quả.

如帝釋瓶，有大光明，化成幢旛無量寶蓋。是寶蓋中。

Như Đế-thích bình, hữu đại Quang-minh, hóa thành tràng phan vô lượng bảo cái. Thị bảo cái trung.

Như bình của Ngọc hoàng có Quang sáng lớn, hóa thành cờ phướn vô lượng vành hoa báu.

Trong vành hoa báu đó.

映現三千大千世界一切佛事。十方佛國亦於中現。

Ánh hiện Tam-thiên Đại-thiên Thế giới nhất thiết Phật sự. Thập phương Phật quốc diệc ư trung hiện.

Soi chiếu hiện ra các việc Phật của Ba nghìn Đại thiên Thế giới. Đất Phật mười phương cũng hiện ra ở trong đó.

見此樹已，亦當次第一一觀之。

Kiến thử thụ dĩ, diệc đương thứ đệ nhất nhất quan chi.

Nhìn thấy Cây đó rồi, cũng nên lần lượt quan sát từng loại.

觀見樹莖枝葉華果，皆令分明。是為樹想，名第四觀。

Quan kiến thụ hành chi điệp hoa quả, giai linh phân minh. Thị vi thụ tướng, danh đệ tứ quan.

Quan sát được thân cành lá hoa quả của cây, đều được rõ ràng. Đây là tướng nhớ Cây, tên là quan sát thứ 4.

作是觀者名為正觀，若他觀者名為邪觀。

Tác thị quan giả danh vi chính quan, nhược tha quan giả danh vi tà quan.

Quan sát như thế tên là quan sát đúng, nếu quan sát khác đi tên là quan sát sai lệch.

佛告阿難及韋提希：樹想成已，次當想水。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi : Thụ tướng thành dĩ, thứ đương tưởng thủy.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi : Tưởng nhớ Cây đã thành công, tiếp theo nên tưởng nhớ ao nước.

欲想水者，極樂國土有八池水。

Dục tưởng thủy giả, Cực-Lạc quốc thổ hữu bát Trì-thủy.

Người muốn tưởng nhớ ao nước, Đất nước Cực lạc có tám ao nước.

一一池水七寶所成，其寶柔軟從如意珠王生。

Nhất nhất Trì-thủy thất bảo sở thành, kỳ bảo nhu nhuyễn tòng Như ý châu vương sinh.

Mỗi một ao nước do bảy báu tạo thành, các vật báu đó mềm mại sinh từ châu Như ý lớn nhất.

分為十四支，一一支作七寶色。黃金為渠。

Phân vi thập tứ chi, nhất nhất chi tác thất bảo sắc. Hoàng kim vi cừ.

Phân làm 14 mương, mỗi một mương tạo ra sắc bảy báu. Mương bằng vàng.

渠下皆以雜色金剛以為底沙。

Cừ hạ giai dĩ tạp sắc Kim cương dĩ vi để sa.

Dưới mương đều dùng Kim cương nhiều màu sắc làm cát của đáy mương.

一一水中有六十億七寶蓮花。

Nhất nhất thủy trung hữu lục thập ức thất bảo liên hoa.

Trong mỗi một ao có 60 triệu hoa Sen bằng bảy báu.

一一蓮華團圓正等十二由旬，其摩尼水流注華間尋樹上下。

Nhất nhất liên hoa đoàn viên chính đẳng thập nhị Do-tuần. Kỳ Ma-ni thủy lưu chú hoa gian tâm thụ thượng hạ.

Mỗi một hoa Sen tròn trịa khoảng chừng 240km. Dòng châu Như ý đó lưu chuyển qua các hoa khoảng giữa trên dưới cây.

其聲微妙演說苦空無常無我諸波羅蜜。

Kỳ thanh vi diệu diễn thuyết ‘Khổ không Vô-thường Vô-ngã’ chư Ba-la-mật.

Thanh âm vi diệu đó diễn thuyết Khổ, Rỗng không, Biến đổi, Không có bản thân, các hành Đạo Bồ-tát.

復有讚歎諸佛相好者。

Phục hữu tán tán chư Phật tướng hảo giả.

Lại cũng ca ngợi 32 tướng 80 diện mạo đẹp của các Phật.

從如意珠王踊出金色微妙光明。其光化為百寶色鳥，和鳴哀雅。

Tòng Như ý châu vương dũng xuất kim sắc vi diệu Quang-minh. Kỳ quang hóa vi bách bảo sắc điểu, hòa minh ai nhã.

Từ châu Như ý châu lớn nhất phát xuất ra Quang sáng vi diệu màu vàng. Quang này biến hoá thành chim báu trăm sắc, tiếng hót hoà nhã.

常讚念佛念法念僧。是為八功德水想，名第五觀。

Thường tán niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng. Thị vi bát công Đức thủy tưởng, danh đệ ngũ quan.

Thường ca ngợi nhớ học theo Phật nhớ học Pháp nhớ học theo Tăng. Đó là tưởng nhớ về 8 ao công Đức, tên là quan sát thứ 5.

作是觀者名為正觀，若他觀者名為邪觀。

Tác thị quan giả danh vi chính quan, nhược tha quan giả danh vi tà quan.

Quan sát như thế tên là quan sát đúng, nếu quan sát khác đi tên là quan sát sai lệch.

佛告阿難及韋提希：眾寶國土。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi : Chúng bảo quốc thổ.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi : Các vật báu trong nước Phật.

一一界上有五百億寶樓，其樓閣中有無量諸天。

Nhất nhất giới thượng hữu ngũ bách ức bảo lâu, kỳ lâu các trung hữu vô lượng chư Thiên.

Trên mỗi một Cõi giới có 500 triệu Lầu báu. Trong Lầu các đó có vô lượng người Trời.

作天伎樂。又有樂器懸處虛空。

Tác Thiên kỹ nhạc. Hựu hữu nhạc khí huyền xử hư không.

Tấu âm nhạc cõi Trời. Lại có các nhạc cụ treo trong khoảng không.

如天寶幢不鼓自鳴。此眾音中。

Như Thiên bảo tràng bất cổ tự minh. Thử chúng âm trung.

Giống như tràng báu của cõi Trời không đánh tự kêu. Trong các âm thanh này.

皆說念佛念法念比丘僧。此想成已。

Giai thuyết niệm Phật niệm Pháp niệm Tỳ-kheo Tăng. Thử tưởng thành dĩ.

Đều nói nhớ học theo Phật nhớ học Pháp nhớ học theo Tỳ-kheo Tăng. Tưởng nhớ này đã thành công.

名為粗見極樂世界寶樹寶地寶池。是為總觀想，名第六觀。

Danh vi thô kiến Cực lạc thế giới Bảo-thụ Bảo-địa Bảo-trì. Thị vi tổng quan tưởng, danh đệ lục quan.

Tên là sơ lược nhìn thấy Cây báu Đất báu Ao báu của Cực lạc Thế giới. Đây là quan sát tưởng nhớ tổng thể, tên là quan sát thứ 6.

若見此者，除無量億劫極重惡業。

Nhược kiến thử giả, trừ vô lượng ức kiếp cực trọng ác Nghiệp.

Nếu nhìn thấy được điều này, tiêu trừ vô lượng triệu kiếp Nghiệp ác cực nặng.

命終之後必生彼國。作是觀者名為正觀。

Mệnh chung chi hậu tất sinh bỉ quốc. Tác thị quan giả danh vi chính quan.

Sau khi bỏ mệnh nhất định sinh đất nước đó. Quan sát như thế tên là quan sát đúng.

若他觀者名為邪觀。佛告阿難及韋提希：

Nhược tha quan giả danh vi tà quan. Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi：

Nếu quan sát khác đi tên là quan sát sai lệch. Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi：

諦聽！諦聽善思念之！吾當為汝分別解說除苦惱法。

Đề thính ! Đề thính thiện tư niệm chi ! Ngô đương vị Nhữ phân biệt giải thuyết trừ khổ não Pháp.

Nghe tuệ ! Nghe tuệ tư duy tuệ tu tuệ ! Ta đang vì Ngài phân biệt giảng giải cách trừ khổ não.

汝等憶持，廣為大眾分別解說。說是語時，

Nhữ đẳng ức trì, quảng vị Đại chúng phân biệt giải thuyết. Thuyết thị ngữ thời.

Các Ngài giữ tưởng nhớ không được quên, vì Đại chúng phân biệt giảng giải rộng khắp. Khi nói lời đó

無量壽佛住立空中，觀世音大勢至。

Vô Lượng Thọ Phật trụ lập không trung, Quan Thế Âm Đại Thế Chí.

Vô Lượng Thọ Phật đứng ở trong không trung, Quan Thế Âm Đại Thế Chí.

是二大士侍立左右。光明熾盛不可具見。

Thị nhị Đại-sĩ thị lập tả hữu. Quang-minh sí thịnh bất khả cụ kiến.

Hai Đại-sĩ đó đứng hộ vệ bên phải và bên trái. Quang-minh rực sáng không thể nhìn thấy hết được.

百千閻浮檀金色不得為比。時韋提希見無量壽佛已。

Bách thiên Diêm-phù-đàn kim sắc bất đắc vi bỉ. Thời Vi-đề-hi kiến Vô Lượng Thọ Phật dĩ.

Trăm nghìn sắc vàng Diêm-phù-đàn không thể lẫn át được. Khi đó Vi-đề-hi nhìn thấy được Vô Lượng Thọ Phật.

接足作禮，白佛言：世尊！我今因佛力故。

Tiếp túc tác lễ, bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Ngã kim nhân Phật lực cố.

Phục đất đảnh lễ, bạch Phật nói rằng : Thế Tôn ! Con nay nhân do uy lực của Phật.

得見無量壽佛及二菩薩。未來眾生。

Đắc kiến Vô Lượng Thọ Phật cập nhị Bồ-tát. Vị lai chúng sinh.

Được nhìn thấy Vô Lượng Thọ Phật và hai Bồ-tát. Chúng sinh thời Tương lai.

當云何觀無量壽佛及二菩薩。佛告韋提希。

Đương vân hà quan Vô Lượng Thọ Phật cập nhị Bồ-tát. Phật cáo Vi-đề-hi :

Nên làm gì để quan sát được Vô Lượng Thọ Phật và hai Bồ-tát. Phật bảo Vi-đề-hi :

欲觀彼佛者，當起想念。

Dục quan bỉ Phật giả, đương khởi tưởng niệm.

Muốn quan sát Phật đó, cần sinh khởi suy tưởng nhớ.

於七寶地上作蓮花想。令其蓮花一一葉作百寶色。

Ư thất Bảo-địa thượng tác liên hoa tưởng, linh kỳ liên hoa nhất nhất diệp tác bách bảo sắc.

Ở trên Đất bảy báu tưởng nhớ tới hoa Sen, mỗi một cánh hoa Sen đó tạo thành trăm sắc báu.

有八萬四千脈，猶如天畫，一一脈有八萬四千光。

Hữu bát vạn tứ thiên mạch, do như thiên họa, nhất nhất mạch hữu bát vạn tứ thiên quang.

Có 8 vạn 4 nghìn gân mạch, giống như bức họa cõi Trời, mỗi một gân mạch có 8 vạn 4 nghìn quang.

了了分明皆令得見。

Liễu liễu phân minh giai linh đắc kiến.

Rõ ràng minh bạch đều nhìn thấy được.

華葉小者縱廣二百五十由旬。如是蓮華有八萬四千大葉。

Hoa diệp tiểu giả tống quảng nhị bách ngũ thập Do-tuần. Như thị liên hoa hữu bát vạn tứ thiên đại diệp.

Cánh hoa nhỏ rộng chừng 5 nghìn km. Hoa Sen đó có 8 vạn 4 nghìn cánh lớn.

一一葉間，有百億摩尼珠王，以為映飾。

Nhất nhất diệp gian, hữu bách ức Ma-ni châu-vương, dĩ vi ánh sức.

Giữa các cánh hoa có trăm triệu châu Như ý lớn, dùng để chiếu rọi trang sức.

一一摩尼珠放千光明，其光如蓋七寶合成。

Nhất nhất Ma-ni châu phóng thiên Quang-minh, kỳ quang như cái thắt bảo hợp thành.

Mỗi một châu Như ý phóng ra nghìn Quang sáng, quang này như cái vung do bảy báu hợp thành.

遍覆地上，釋迦毘楞伽摩尼寶以為其臺。

Biển phúc địa thượng, Thích-ca Tì-lăng-già Ma-ni bảo dĩ vi kỳ đài.

Biển ra phủ lên đất, châu quý Như ý Thích-ca Tì-lăng-già dùng làm đài hoa.

此蓮花臺，八萬金剛甄叔迦寶，

Thử liên hoa đài, bát vạn Kim-cương Chân-thức-ca bảo.

Đài hoa Sen này, tám vạn Kim cương Chân-thức-ca báu.

梵摩尼寶妙真珠網，以為交飾。於其臺上。

Phạm-ma-ni bảo diệp chân châu võng, dĩ vi giao sức. Ư kỳ đài thượng.

Ngọc Như ý cõi Trời Phạm, lưới võng trân châu vi diệp, dùng để đan nhau trang sức. Ở trên đài đó,

自然而有四柱寶幢，一一寶幢如百千萬億須彌山。

Tự nhiên nhi hữu tứ trụ bảo tràng, nhất nhất bảo tràng như bách thiên vạn ức Tu-di sơn.

Tự khắc có 4 Tòa cột báu, mỗi một Tòa báu giống như trăm nghìn vạn triệu núi Tu di.

幢上寶縵如夜摩天宮，復有五百億微妙寶珠。

Tràng thượng bảo man như Dạ-ma thiên-cung, phục hữu ngũ bách ức vi diệp bảo châu.

Trên Tòa tơ lụa quý giống như ở cung Trời Dạ-ma, lại có 500 triệu châu báu vi diệp.

以為映飾。一一寶珠有八萬四千光。

Dĩ vi ánh sắc. Nhất nhất bảo châu hữu bát vạn tứ thiên quang.

Dùng để chiếu soi trang sức. Mỗi một châu quý có 8 vạn 4 nghìn ánh quang.

一一光作八萬四千異種金色。一一金色遍其寶土。

Nhất nhất quang tác bát vạn tứ thiên dị chủng kim sắc. Nhất nhất kim sắc biến kỳ Bảo-thổ.

Mỗi một ánh quang tạo thành 8 vạn 4 nghìn loại sắc vàng khác nhau. Mỗi một sắc vàng biến tỏa ra khắp Đất báu đó.

處處變化各作異相。或為金剛臺。

Xứ xứ biến hóa các tác dị tướng. Hoặc vi Kim cương đài.

Mỗi nơi biến hoá ra các hình tượng khác nhau. Hoặc là đài bằng Kim cương.

或作真珠網，或作雜花雲。

Hoặc tác chân châu võng, hoặc tác tạp hoa vân.

Hoặc làm thành lưới võng trên châu, hoặc làm thành nhiều loại mây hoa.

於十方面隨意變現施作佛事。是為花座想，名第七觀。

Ư thập phương diệm tùy ý biến hiện thi tác Phật sự. Thị vi hoa toà tưởng, danh đệ thất quan.

Ở tại mười phương tùy ý biến hiện, thực hành việc Phật. Đây là tưởng nhớ Toà hoa Sen, tên là quan sát thứ 7.

佛告阿難：如此妙花，是本法藏比丘願力所成。

Phật cáo A-nan : Như thử diệm hoa, thị bản Pháp-tạng Tì-kheo nguyện lực sở thành.

Phật bảo A-nan : Như toà Sen vi diệm này, là do bản lực nguyện của Pháp-tạng Tì-kheo tạo thành.

若欲念彼佛者，當先作此妙花座想。

Nhược dục niệm bĩ Phật giả, đương tiên tác thử diệm hoa toà tưởng.

Nếu muốn suy niệm về Phật đó, trước tiên cần thực hiện tưởng nhớ Toà Sen vi diệm này.

作此想時不得雜觀。皆應一一觀之。

Tác thử tưởng thời bất đắc tạp quan, giai ưng nhất nhất quan chi.

Khi thực hiện tưởng nhớ này không được quan sát lung tung, nên cần tập trung chỉ quan sát việc này thôi.

一一葉，一一珠，一一光，一一臺，一一幢皆令分明。

Nhất nhất diệp, nhất nhất châu, nhất nhất quang, nhất nhất đài, nhất nhất tràng, giai linh phân minh.

Từng cánh hoa, từng hạt châu, từng ánh quang, từng đài Sen, từng Tòa báu, đều cần rõ ràng minh bạch.

如於鏡中自見面像，此想成者。

Như ư kính trung tự kiến diệm tượng, thử tưởng thành giả.

Giống như trong gương tự nhìn thấy khuôn mặt, tưởng nhớ này thành công.

滅除五百億劫生死之罪，必定當生極樂世界。

Diệt trừ ngũ bách ức Kiếp sinh tử chi tội, tất định đương sinh Cực-lạc Thế giới.

Diệt trừ tội của 500 triệu Kiếp sinh tử, nhất định được sinh về Cực-lạc Thế giới.

作是觀者名為正觀，若他觀者名為邪觀。

Tác thị quan giả danh vi chính quan, nhược tha quan giả danh vi tà quan.

Quan sát như thế tên là quan sát đúng, nếu quan sát khác đi tên là quan sát sai lệch.

佛告阿難及韋提希：見此事已，次當想佛。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi : Kiến thử sự dĩ, thứ đương tưởng Phật.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi : Đã nhìn thấy việc này, tiếp theo cần tưởng nhớ Phật.

所以者何？諸佛如來是法界身。

Sở dĩ giả hà ? Chư Phật Như Lai thị Pháp-giới Thân.

Vì sao như thế ? Các Phật Như là Thân của Pháp giới.

遍入一切眾生心想中。是故汝等心想佛時。

Biến nhập nhất thiết chúng sinh tâm tưởng trung. Thị cố Nhữ đẳng tâm tưởng Phật thời.

Biến nhập vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sinh. Vì thế các Ngài lúc tâm tưởng nhớ Phật.

是心即是三十二相八十隨形好。是心作佛是心是佛。

Thị tâm tức thị tam thập nhị tướng bát thập tùy hình hảo. Thị tâm tác Phật thị tâm thị Phật.

Tâm này tức là 32 tướng 80 diện mạo đẹp. Tâm đó làm Phật, tâm đó là Phật.

諸佛正遍知海從心想生。

Chư Phật Chính-biến-Tri hải tòng tâm tưởng sinh.

Chính-biến-tri của các Phật sâu rộng như biển sinh theo tưởng nhớ của tâm.

是故應當一心繫念諦觀彼佛多陀阿伽度阿羅呵三藐三佛陀。

Thị cố ứng đương nhất tâm hệ niệm để quan bỉ Phật Đa-đà-a-già-độ A-la-ha tam-miêu- tam Phật Đà

Vì thế cần nhất tâm suy niệm quan sát đúng về Phật Thế Tôn đó.

想彼佛者，先當想像。

Tưởng bỉ Phật giả, tiên đương tưởng tượng.

Tưởng nhớ Phật đó, trước tiên cần tưởng nhớ bức Tượng.

閉目開目見一寶像如閻浮檀金色坐彼華上。

Bế mục khai mục kiến nhất Bảo-tượng như Diêm-phù-đàn kim sắc tọa bỉ hoa thượng.

Nhắm mắt mở mắt nhìn thấy một Tượng-báu sắc vàng như Diêm-phù-đàn ngồi trên đài hoa đó.

像既坐已，心眼得開，了了分明。

Tượng ký tọa dĩ, tâm nhãn đắc khai, liễu liễu phân minh.

Tượng đã ngồi trên toà Sen, tâm Trí tuệ được khai sáng, thấy rõ ràng minh bạch.

見極樂國七寶莊嚴寶地寶池寶樹行列。諸天寶繖彌覆樹上。

Kiến Cực-Lạc quốc thất bảo trang nghiêm Bảo-địa Bảo-trì Bảo-thụ hàng liệt. Chư Thiên bảo man di phúc thụ thượng.

Nhìn thấy Đất báu Ao báu các hàng Cây báu bằng bảy báu trang nghiêm của nước Cực-lạc. Các tư lỵ cõi Trời che phủ trên cây.

眾寶羅網滿虛空中。見如此事極令明了如觀掌中，見此事已。

Chúng bảo la võng mãn hư không. Kiến như thử sự cực linh minh liễu như quan chưởng trung, kiến thử sự dĩ.

Các lưới võng báu đầy ở trong khoảng không. Nhìn thấy các việc như thế rất rõ ràng minh bạch như quan sát được trong lòng bàn tay. Nhìn thấy việc đó rồi.

復當更作一大蓮華在佛左邊。如前蓮華等無有異。

Phục đương cánh tác nhất đại liên hoa tại Phật tả biên. Như tiền liên hoa đẳng vô hữu dị.

Lại cần tưởng nhớ thêm một hoa Sen lớn ở bên trái Phật. Giống hệt như hoa Sen trước không có khác.

復作一大蓮華在佛右邊。想一觀世音菩薩像坐左華座。

Phục tác nhất đại liên hoa tại Phật hữu biên. Tưởng nhất Quan Thế Âm Bồ-tát tượng tọa tả hoa toà.

Lại tưởng nhớ một hoa Sen lớn ở bên phải Phật. Tưởng nhớ một bức tượng Quan Thế Âm Bồ-tát ngồi trên toà Sen bên trái.

亦放金光如前無異。

Diệc phóng kim quang như tiền vô dị.

Cũng phóng ra quang vàng như phần trước đã nói không khác.

想一大勢至菩薩像坐右華座。此想成時。佛菩薩像皆放妙光。

Tưởng nhất Đại Thế Chí Bồ-tát tượng tọa hữu hoa toà. Thủ tướng thành thời. Phật Bồ-tát tượng giai phóng diệu quang.

Tưởng nhớ một bức tượng Đại Thế Chí Bồ-tát ngồi trên toà Sen bên phải. Lúc tưởng nhớ này thành công. Tượng Phật Bồ-tát đều phóng ra ánh quang vi diệu.

其光金色照諸寶樹。一一樹下亦有三蓮華。

Kỳ quang kim sắc chiếu chư Bảo-thụ. Nhất nhất thụ hạ diệc hữu tam liên hoa.

Quang đỏ màu vàng chiếu soi các Cây báu. Dưới mỗi một Cây cũng có 3 hoa Sen.

諸蓮華上各有一佛二菩薩像，遍滿彼國。

Chư liên hoa thượng các hữu nhất Phật nhị Bồ-tát tượng, biến mãn bỉ quốc.

Trên các hoa Sen từng hoa có một tượng Phật hai Bồ-tát, biến ra đầy khắp đất Phật đó.

此想成時，行者當聞水流光明，

Thủ tướng thành thời, hành giả đương văn thủy lưu Quang-minh.

Khi tưởng nhớ này thành công, người tu hành đang thấy được Quang sáng của dòng nước.

及諸寶樹鳧鴈鴛鴦皆說妙法。出定入定恒聞妙法。

Cập chư Bảo-thụ phù nhận uyên ương giai thuyết Diệu Pháp. Xuất định nhập định hằng văn Diệu Pháp.

Cùng với Cây báu vọt Trời chim nhận uyên ương đều nói Diệu Pháp. Vào Định ra khỏi Định thường nghe Diệu Pháp.

行者所聞，出定之時憶持不捨，令與修多羅合。

Hành giả sở văn, xuất Định chi thời ức trì bất xả, linh dữ Tu-đa-la hợp.

Người tu hành nghe được, lúc xuất ra khỏi Định ghi nhớ không quên, giúp cho hoà hợp với sự giác ngộ đầy đủ.

若不合者名為妄想。若與合者，名為鹿想見極樂世界。

Nhược bất hợp giả danh vi vọng tưởng. Nhược dữ hợp giả, danh vi thô tưởng kiến Cực-lạc Thế giới.

Nếu không hoà hợp tên là tưởng nhớ hão huyền. Nếu hoà hợp được, tên là sơ lược tưởng nhớ nhìn thấy Cực-lạc Thế giới.

是為想像，名第八觀。

Thị vi tưởng tượng, danh đệ bát quan.

Đây là tưởng nhớ hình tượng, tên là quan sát thứ 8.

作是觀者，除無量億劫生死之罪。

Tác thị quan giả, trừ vô lượng ức Kiếp sinh tử chi tội.

Người làm quan sát đó, tiêu trừ tội của vô lượng triệu Kiếp sinh chết.

於現身中得念佛三昧。作是觀者名為正觀。

Ư hiện thân trung đắc niệm Phật Tam-muội. Tác thị quan giả danh vi chính quan.

Ở trong thân hiện tại được Pháp niệm Phật Tam-muội. Người làm quan sát như thế tên là quan sát đúng.

若他觀者名為邪觀。佛告阿難及韋提希：此想成已。

Nhược tha quan giả danh vi tà quan. Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi : Thủ tướng thành dĩ.

Nếu quan sát khác đi tên là quan sát sai lệch. Phật bảo A-nan cập Vi-đề-hi : Tưởng nhớ này đã thành công.

次當更觀無量壽佛身相光明。阿難當知！無量壽佛身。

Thứ đương cánh quan Vô Lượng Thọ Phật thân tướng Quang-minh. A-nan đương tri ! Vô Lượng Thọ Phật thân.

Tiếp theo cần quan sát thêm Quang-minh thân tướng của Vô Lượng Thọ Phật. A-nan cần biết ! Thân của Vô Lượng Thọ Phật.

如百千萬億夜摩天閻浮檀金色。

Như bách thiên vạn ức Dạ-ma Thiên Diêm-phù-đàn kim sắc.

Như trăm nghìn vạn triệu sắc vàng Diêm-phù-đàn của cõi Trời Dạ-ma.

佛身高六十萬億那由他恒河沙由旬。

Phật thân cao lục thập vạn ức Na-do-tha Hằng hà sa Do-tuần.

Thân Phật cao hơn 12 nghìn tỉ Na-do-tha Hằng hà sa km.

眉間白毫右旋宛轉如五須彌山。

Mi gian bạch hào hữu toàn uyển chuyển như ngũ Tu-di sơn.

Hào quang trắng giữa mi uyển chuyển xoay tròn sang phải như 5 núi Tu-di.

佛眼清淨如四大海水清白分明。身諸毛孔演出光明如須彌山。

Phật nhãn thanh tịnh như tứ đại hải thủy thanh bạch phân minh. Thân chư mao khổng diễn xuất Quang-minh như Tu-di sơn.

Mắt Phật Thanh tịnh như nước của bốn biển lớn trắng sạch rõ ràng. Các lỗ chân lông trên thân phát xuất ra Quang-minh như núi Tu-di.

彼佛圓光如百億三千大千世界。

Bỉ Phật Viên-quang như bách ức Tam-thiên Đại-thiên Thế giới.

Vàng quang sau gáy của Phật đó như trăm triệu Ba nghìn Đại thiên Thế giới。於圓光中有百萬億那由他恒河沙化佛。

Ư Viên-quang trung hữu bách vạn ức Na-do-tha Hằng hà sa hóa Phật.

Ở trong Vàng quang có trăm vạn triệu Na-do-tha Hằng-hà sa hóa

Phật。一一化佛亦有眾多無數化菩薩，以為侍者。

Nhất nhất hóa Phật diệc hữu chúng đa vô số hóa Bồ-tát, dĩ vi thị giả.

Mỗi một hóa Phật cũng có rất nhiều vô số hóa Bồ-tát, dùng làm hộ vệ.

無量壽佛有八萬四千相。一一相中，各有八萬四千隨形好。

Vô Lượng Thọ Phật hữu bát vạn tứ thiên Tướng . Nhất nhất tướng trung, các hữu bát vạn tứ thiên tùy hình hảo.

Vô Lượng Thọ Phật có 8 vạn 4 nghìn hình tướng. Trong mỗi một hình tướng, từng hình tướng có 8 vạn 4 nghìn diện mạo đẹp.

一一好中復有八萬四千光明。

Nhất nhất hảo trung phục hữu bát vạn tứ thiên Quang-minh.

Trong mỗi diện mạo đẹp lại có 8 vạn 4 nghìn Quang sáng.

一一光明遍照十方世界。念佛眾生攝取不捨。

Nhất nhất Quang-minh biến chiếu thập phương Thế giới. Niệm Phật chúng sinh nhiếp thủ bất xả.

Mỗi một Quang sáng biến chiếu tới mười phương Thế giới. Thu nhận chúng sinh nhớ học theo Phật không buông rời.

其光相好及與化佛，不可具說。

Kỳ quang Tướng-hảo cập dĩ hóa Phật, bất khả cụ thuyết.

Tướng-hảo Quang sáng đó và các hóa Phật, không thể nói tất cả được.

但當憶想令心明見。見此事者，即見十方一切諸佛。

Đãn đương ức tưởng linh tâm minh kiến. Kiến thử sự giả, tức kiến thập phương nhất thiết chư Phật.

Chỉ cần tưởng nhớ lại giúp tâm nhìn thấy rõ. Nhìn thấy sự việc này, tức thì nhìn thấy tất cả các Phật mười phương.

以見諸佛故名念佛三昧。作是觀者，名觀一切佛身。

Dĩ kiến chư Phật cố danh niệm Phật Tam-muội. Tác thị quan giả, danh quan nhất thiết Phật thân. Đã nhìn thấy các Phật có tên là niệm Phật Tam-muội. Làm quan sát như thế, tên là quan sát thân tất cả các Phật.

以觀佛身故亦見佛心。諸佛心者大慈悲是。以無緣慈攝諸眾生。

Dĩ quan Phật thân cố diệc kiến Phật tâm. Chư Phật tâm giả Đại Từ Bi thị. Dĩ Vô-duyên Từ nhiếp chư chúng sinh.

Do dùng quan sát thân Phật cũng nhìn thấy tâm của Phật. Tâm của các Phật chính là Đại Từ Bi. Dùng Không có duyên Từ Bi thu nhận các chúng sinh.

作此觀者，捨身他世生諸佛前，得無生忍。

Tác thử quan giả, xả thân tha thế sinh chư Phật tiền, đắc Vô-sinh nhẫn.

Làm quan sát này, buông bỏ thân Đời khác sinh trước các Phật, được Nhẫn Không sinh.

是故智者應當繫心諦觀無量壽佛。

Thị cố Trí giả ứng đương hệ tâm đế quan Vô Lượng Thọ Phật.

Vì thế người có Trí tuệ cần phải tâm luôn ghi nhớ quan sát đúng Vô Lượng Thọ Phật.

觀無量壽佛者，從一相好入。

Quan Vô Lượng Thọ Phật giả, tông nhất Tướng-hảo nhập.

Quan sát Vô Lượng Thọ Phật, bắt đầu từ một Tướng-hảo.

但觀眉間白毫極令明了。見眉間白毫相者。

Đãn quan mi gian bạch hào cực linh minh liễu. Kiến mi gian bạch hào tướng giả.

Chỉ nên quan sát Hào quang trắng giữa mi thật là rõ ràng. Người nhìn thấy hình Hào quang trắng giữa mi.

八萬四千相好自然當見。見無量壽佛者。

Bát vạn tứ thiên Tướng-hảo tự nhiên đương kiến. Kiến Vô Lượng Thọ Phật giả.

Tự khắc nhìn thấy 8 vạn 4 nghìn Tướng-hảo. Người nhìn thấy Vô Lượng Thọ Phật.

即見十方無量諸佛。得見無量諸佛故，諸佛現前受記。

Tức kiến thập phương vô lượng chư Phật. Đắc kiến vô lượng chư Phật cố, chư Phật hiện tiền thụ ký.

Tức thì nhìn thấy vô lượng các Phật mười phương. Do được gặp vô lượng các Phật, hiện ở trước các Phật nhận Chuyển bậc thành Phật.

是為遍觀一切色想，名第九觀。

Thị vi biến quan nhất thiết sắc tưởng, danh đệ cửu quan.

Đó là lan tỏa quan sát tưởng nhớ tất cả sắc thân, tên là quan sát thứ 9.

作是觀者名為正觀，若他觀者名為邪觀。

Tác thị quan giả danh vi chính quan, nhược tha quan giả danh vi tà quan.

Quan sát như thế là quan sát đúng, nếu quan sát khác đi tên là quan sai lệch.

佛告阿難及韋提希：

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi：

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi：

見無量壽佛了了分明已。次亦應觀觀世音菩薩。

Kiến Vô Lượng Thọ Phật liễu liễu phân minh dĩ, thứ diệc ứng quan Quan Thế Âm Bồ-tát.

Nhìn thấy Vô Lượng Thọ Phật rõ ràng minh bạch xong, tiếp theo cũng cần quan sát Quan Thế Âm Bồ-tát.

此菩薩身長八十億那由他恒河沙由旬。

Thủ Bồ-tát thân trường bát thập ức Na-do-tha Hằng hà sa Do-tuần.

Thân của Bồ-tát này cao 1,6 tỉ Na-do-tha Hằng hà sa km.

身紫金色，頂有肉髻，項有圓光，面各百千由旬。

Thân tử kim sắc, đỉnh hữu nhục-kê, hạng hữu Viên-quang, diện các bách thiên Do-tuần.

Thân sắc màu vàng tía, đỉnh đầu có Búi tóc bằng thịt, sau gáy có Vàng quang bề mặt 2 triệu km.

其圓光中有五百化佛，如釋迦牟尼。

Kỳ Viên-quang trung hữu ngũ bách hóa Phật, như Thích Ca Mâu Ni.

Có 500 hóa Phật trong Vàng quang đó, giống như Thích Ca Mâu Ni.

一一化佛,有五百菩薩無量諸天,以為侍者。

Nhất nhất hóa Phật, hữu ngũ bách Bồ-tát vô lượng chư Thiên, dĩ vi thị giả.

Mỗi một hóa Phật, có 500 Bồ-tát vô lượng các Trời, dùng làm hộ vệ.

舉身光中五道眾生,一切色相皆於中現。

Cử thân quang trung Ngũ-đạo chúng sinh, nhất thiết sắc tướng giai ư trung hiện.

Chúng sinh 5 Đường đều ở trong ánh quang của toàn thân, tất cả sắc tướng đều hiện ở trong đó.

頂上毘楞伽摩尼妙寶,以為天冠。其天冠中有一立化佛。

Đỉnh thượng Tì-lăng-già Ma-ni diệu bảo, dĩ vi Thiên-quan. Kỳ Thiên-quan trung hữu nhất lập hóa Phật.

Châu Như ý Tì-lăng-già báu vật vi diệu ở trên đỉnh đầu, dùng làm mũ Trời. Có một hoá Phật đứng ở trong mũ Trời.

高二十五由旬。觀世音菩薩面如閻浮檀金色。

Cao nhị thập ngũ Do-tuần. Quan Thế Âm Bồ-tát diện như Diêm-phù-đàn kim sắc.

Cao hơn 500 km. Mặt Quan Thế Âm Bồ-tát sắc vàng như Diêm-phù-đàn.

眉間毫相備七寶色,流出八萬四千種光明。

Mi gian hào tướng bị thất bảo sắc, lưu xuất bát vạn tứ thiên chủng Quang-minh.

Hào quang giữa mi đủ sắc bảy báu, phát xuất ra 8 vạn 4 nghìn loại Quang sáng.

一一光明,有無量無數百千化佛。

Nhất nhất Quang-minh, hữu vô lượng vô số bách thiên hóa Phật.

Mỗi một Quang sáng, có vô lượng vô số trăm nghìn hoá Phật.

一一化佛,無數化菩薩以為侍者。

Nhất nhất hóa Phật, vô số hóa Bồ-tát dĩ vi thị giả.

Mỗi một hoá Phật, vô số hoá Bồ-tát dùng làm hộ vệ.

變現自在滿十方界。譬如紅蓮花色。

Biến hiện tự tại mãn thập phương giới. Tỷ như hồng liên hoa sắc.

Biến hiện tự do đầy khắp mười Thế giới. Tay sắc như hoa Sen hồng.

有八十億微妙光明,以為瓔珞。其瓔珞中 普現一切諸莊嚴事。

Hữu bát thập ức vi diệu Quang-minh, dĩ vi anh lạc. Kỳ anh lạc trung, phổ hiện nhất nhiệt chư trang nghiêm sự.

Có 80 triệu Quang sáng vi diệu, dùng làm chuỗi ngọc. Trong chuỗi ngọc này, hiện ra tất cả các việc trang nghiêm ở khắp mọi nơi.

手掌作五百億雜蓮華色,手十指端。

Thủ chương tác ngũ bách ức tạp liên hoa sắc, thủ thập chỉ đoan.

Bàn tay tạo ra sắc của 500 triệu các loại hoa, mười ngón tay đoan nghiêm.

一一指端有八萬四千畫,猶如印文。

Nhất nhất chỉ đoan hữu bát vạn tứ thiên họa, do như ấn văn.

Mỗi một ngón tay đoan nghiêm có 8 vạn 4 nghìn họa tiết, giống như vân in sẵn.

一一畫有八萬四千色。一一色有八萬四千光。

Nhất nhất họa hữu bát vạn tứ thiên sắc. Nhất nhất sắc hữu bát vạn tứ thiên quang.

Mỗi một họa tiết có 8 vạn 4 nghìn sắc. Mỗi một sắc có 8 vạn 4 nghìn ánh quang.

其光柔軟普照一切。以此寶手接引眾生。

Kỳ quang nhu nhuyễn phổ chiếu nhất thiết. Dĩ thủ bảo thủ tiếp dẫn chúng sinh.

Quang này mềm mại chiếu rộng khắp tất cả. Dùng bàn tay báu này tiếp dẫn chúng sinh.

舉足時，足下有千輻輪相。

Cử túc thời, túc hạ hữu thiên phúc luân tướng.

Lúc chân chuyển động, dưới chân có nghìn bánh xe.

自然化成五百億光明臺。下足時，有金剛摩尼花。

Tự nhiên hóa thành ngũ bách ức Quang-minh đài. Hạ túc thời, hữu Kim cương Ma-ni hoa.

Tự khắc hoá thành 500 triệu đài Quang sáng. Khi hạ chân xuống, có hoa Kim cương Ma-ni.

布散一切莫不彌滿。其餘身相眾好具足，如佛無異。

Bố tán nhất thiết mạc bất di mãn. Kỳ dư thân tướng chúng hảo cụ túc, như Phật vô dị.

Rải ra đầy khắp các nơi. Tướng khác của thân đầy đủ diện mạo đẹp đẽ, như Phật không khác.

唯頂上肉髻及無見頂相，不及世尊。

Duy đỉnh thượng nhục-kê cập Vô-kiến-đỉnh tướng, bất cập Thế Tôn.

Chỉ có Búi tóc bằng thịt trên đỉnh đầu và tướng Không nhìn thấy Đỉnh, không bằng Thế Tôn.

是為觀觀世音菩薩真實色身想，名第十觀。

Thị vi quan Quan Thế Âm Bồ-tát chân thực sắc thân tướng, danh đệ thập quan.

Đó là quan sát tướng nhớ sắc thân chân thực của Quan Thế Âm Bồ-tát, tên là quan sát thứ mười.

佛告阿難：若欲觀觀世音菩薩當作是觀。

Phật cáo A-nan : Nhược dục quan Quan Thế Âm Bồ-tát đương tác thị quan.

Phật bảo A-nan : Nếu muốn quan sát Quan Thế Âm Bồ-tát nên làm quan sát đó.

作是觀者不遇諸禍，淨除業障，除無數劫生死之罪。

Tác thị quan giả bất ngộ chư họa, tịnh trừ Nghiệp-chướng, trừ vô số Kiếp sinh tử chi tội.

Người làm quan sát đó không gặp các tai họa, trừ sạch các chướng ngại do Nghiệp đời tạo ra, trừ diệt tội của vô số Kiếp sinh chết.

如此菩薩，但聞其名獲無量福，何況諦觀。

Như thử Bồ-tát, dẫn văn kỳ danh hoạch vô lượng Phúc, hà huống đế quan.

Như Bồ-tát này, chỉ nghe danh hiệu của Bồ-tát được vô lượng Phúc, huống chi quan sát đúng.

若有欲觀觀世音菩薩者，當先觀頂上肉髻，次觀天冠。

Nhược hữu dục quan Quan Thế Âm Bồ-tát giả, đương tiên quan đỉnh thượng nhục-kê, thứ quan Thiên-quan.

Nếu muốn quan sát Quan Thế Âm Bồ-tát, trước tiên nên quan sát búi tóc bằng thịt trên đỉnh đầu, tiếp theo quan sát mũ Trời.

其餘眾相亦次第觀之，悉令明了如觀掌中。

Kỳ dư chúng tướng diệc thứ đệ quan chi, tất linh minh liễu như quan chưởng trung.

Các hình tướng khác cũng lần lượt quan sát hết, nhìn thấy tất cả rõ ràng như quan sát lòng bàn tay.

作是觀者名為正觀，若他觀者名為邪觀。

Tác thị quan giả danh vi chính quan, nhược tha quan giả danh vi tà quan.

Làm quan sát đó tên là quan sát đúng, nếu quan sát khác đi tên là quan sát sai lệch.

佛告阿難及韋提希：次觀大勢至菩薩。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi : Thứ quan Đại Thế Chí Bồ-tát.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi : Tiếp theo quan sát Đại Thế Chí Bồ-tát.

此菩薩身量大小亦如觀世音。

Thử Bồ-tát thân lượng đại tiểu diệc như Quan Thế Âm.

Thân lượng của Bồ-tát này bao nhiêu cũng như Quan Thế Âm.

圓光面各百二十五由旬，照二百五十由旬。

Viên-quang diện các bách nhị thập ngũ Do-tuần, chiếu nhị bách ngũ thập Do-tuần.

Bề mặt của Vàng quang 2 nghìn 500 km, chiếu soi tới 5 nghìn km.

舉身光明照十方國，作紫金色。

Cử thân Quang-minh chiếu thập phương quốc, tác tử kim sắc.

Quang sang của toàn thân chiếu soi tới Đất nước mười phương, tạo thành sắc vàng tía.

有緣眾生皆悉得見。但見此菩薩一毛孔光。

Hữu duyên chúng sinh giai tất đắc kiến. Đãn kiến thử Bồ-tát nhất mao không quang.

Chúng sinh có duyên tất cả đều được nhìn thấy. Chỉ nhìn thấy ánh quang phát ra từ một lỗ chân lông của Bồ-tát này.

即見十方無量諸佛淨妙光明。是故號此菩薩名無邊光。

Tức kiến thập phương vô lượng chư Phật tịnh diệu Quang-minh. Thị cố hiệu thử Bồ-tát danh Vô-biên-quang.

Tức thì nhìn thấy được Quang sang thanh tịnh vi diệu của vô lượng các Phật mười phương. Vì thế Bồ-tát này còn có tên hiệu Vô Biên Quang.

以智慧光普照一切。

Dĩ Trí tuệ quang phổ chiếu nhất thiết.

Dùng quang Trí tuệ chiếu soi khắp tất cả.

令離三塗得無上力。是故號此菩薩名大勢至。

Linh ly Tam-đồ đắc Vô-thượng lực. Thị cố hiệu thử Bồ-tát danh Đại Thế Chí.

Giúp rời bỏ ba Đường dữ được lực Bình đẳng. Vì thế Bồ-tát này có tên hiệu là Đại Thế Chí.

此菩薩天冠有五百寶蓮華。一一寶華有五百寶臺。

Thử Bồ-tát Thiên quan hữu ngũ bách bảo liên hoa. Nhất nhất bảo hoa hữu ngũ bách bảo đài.

Mũ Trời của Bồ-tát này có 500 hoa Sen báu. Mỗi một hoa báu có 500 đài báu.

一一臺中，十方諸佛淨妙國土廣長之相，皆於中現。

Nhất nhất đài trung, thập phương chư Phật tịnh diệu quốc độ quảng trường chi tướng, giai ư trung hiện.

Trong mỗi một đài, chứa đựng toàn cảnh Đất nước tịnh diệu của các Phật mười phương, đều hiện ra ở trong đó.

頂上肉髻如鉢頭摩花。

Đỉnh thượng Nhục-kế như Bát-đầu-ma hoa.

Búi tóc bằng thịt trên đỉnh đầu giống như hoa Bát-đầu-ma.

於肉髻上有一寶瓶，盛諸光明普現佛事。

Ư Nhục-kế thượng hữu nhất bảo bình, thịnh chư Quang-minh phổ hiện Phật sự.

Có một bình báu ở phía trên Búi tóc bằng thịt, đầy đủ các Quang sáng hiện ra việc Phật ở khắp nơi.

餘諸身相如觀世音等無有異。此菩薩行時。

Dư chư thân tướng như Quan Thế Âm đẳng vô hữu dị. Thử Bồ-tát hành thời.

Các thân tướng khác giống như Quan Thế Âm không khác. Lúc Bồ-tát này đi.

十方世界一切震動。當地動處各有五百億寶花。

Thập phương thế giới nhất thiết chấn động. Đương địa động xứ các hữu ngũ bách ức bảo hoa. Mười phương Thế giới chấn động tất cả. Đương lúc các nơi chấn động mỗi nơi có 500 triệu hoa báu.

一一寶花莊嚴高顯，如極樂世界。此菩薩坐時。

Nhất nhất bảo hoa trang nghiêm cao hiển, như Cực-lạc Thế giới. Thử Bồ-tát tọa thời.

Mỗi một hoa báu trang nghiêm cao chói vót, như Cực-lạc Thế giới. Khi Bồ-tát này ngồi.

七寶國土一時動搖。從下方金光佛剎。

Thất bảo quốc độ nhất thời động dao. Tòng hạ phương Kim Quang Phật sát.

Đất nước bảy báu cùng lúc lay động. Từ Đất nước của Kim Quang Phật ở phía dưới.

乃至上方光明王佛剎。

Nãi chí thượng phương Quang-minh Vương Phật sát.

Thậm chí Đất nước của Quang-minh Vương Phật ở phía trên.

於其中間無量塵數分身無量壽佛分身觀世音大勢至。

Ư kỳ trung gian vô lượng trần số phân thân Vô Lượng Thọ Phật phân thân Quan Thế Âm Đại Thế Chí.

Hóa thân của Vô Lượng Thọ Phật, Quan Thế Âm, Đại Thế Chí vô lượng vô số nhiều như bụi trần ở trong khoảng không gian này.

皆悉雲集極樂國土。側塞空中坐蓮華座，演說妙法度苦眾生。

Giai tất vân tập Cực-Lạc quốc thổ. Trắc tắc không trung tọa liên hoa toà, diễn thuyết Diệu Pháp độ khổ chúng sinh.

Tất cả đều tập trung thành từng đoàn Cực-lạc Thế giới. Ngồi trên toà Sen ở khắp mọi nơi trong khoảng không, diễn thuyết Diệu Pháp độ thoát chúng sinh khổ.

作此觀者，名為觀見大勢至菩薩。

Tác thử quan giả, danh vi quan kiến Đại Thế Chí Bồ-tát.

Người làm quan sát này, tên là quan sát nhìn thấy Đại Thế Chí Bồ-tát.

是為觀大勢至色身相。觀此菩薩者名第十一觀。

Thị vi quan Đại Thế Chí sắc thân tướng. Quan thử Bồ-tát giả danh đệ thập nhất quan.

Đó là quan sát sắc thân tướng của Đại Thế Chí. Quan sát Bồ-tát này tên là quan sát thứ 11.

除無數劫阿僧祇生死之罪。作是觀者不處胞胎。

Trừ vô số kiếp A-tăng-kỳ sinh tử chi tội. Tác thị quan giả bất xử bào thai.

Trừ diệt tội sinh chết của vô số A-tăng-kỳ kiếp. Người làm quan sát đó không ở trong bào thai.

常遊諸佛淨妙國土。此觀成已。

Thường du chư Phật tịnh diệu quốc thổ. Thử quan thành dĩ.

Thường du hành tới Đất nước tịnh diệu của các Phật. Quan sát này đã thành công.

名為具足觀觀世音及大勢至。作是觀者名為正觀。

Danh vi cụ túc quan Quan Thế Âm cập Đại Thế Chí. Tác thị quan giả danh vi chính quan.

Tên là quan sát đầy đủ Quan Thế Âm và Đại Thế Chí. Làm quan sát đó tên là quan sát đúng.

若他觀者名為邪觀。佛告阿難及韋提希：

Nhược tha quan giả danh vi tà quan. Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi :

Nếu quan sát khác đi tên là quan sát sai lệch. Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi :

見此事時當起想作心自見生於西方極樂世界。

Kiến thử sự thời đương khởi tưởng tác tâm tự kiến sinh ư Tây phương Cực-lạc Thế giới.

Khi nhìn thấy việc này cần sinh khởi làm tưởng nhớ tâm tự được sinh ở Tây phương Cực-lạc Thế giới.

於蓮華中結跏趺坐。作蓮華合想，作蓮華開想。

Ư liên hoa trung kết già phu tọa. Tác liên hoa hợp tướng, tác liên hoa khai tướng.

Ngồi kết già trong hoa Sen. Làm tướng nhớ hoa Sen khép lại, hoa Sen mở ra.

蓮華開時，有五百色光來照身想。

Liên hoa khai thời, hữu ngũ bách sắc quang lai chiếu thân tướng.

Lúc hoa Sen mở, tướng nhớ có 500 sắc quang chiếu soi tới thân.

眼目開想，見佛菩薩滿虛空中。

Nhãn mục khai tướng, kiến Phật Bồ-tát mãn hư không trung.

Tướng nhớ mắt mở ra, nhìn thấy Phật Bồ-tát đầy khắp trong khoảng không.

水鳥樹林及與諸佛。所出音聲皆演妙法，與十二部經合。

Thủy điều thụ lâm cập dữ chư Phật. Sở xuất âm thanh giai diễn Diệu Pháp, dữ thập nhị bộ Kinh hợp.

Nước, chim, rừng cây và các Phật. Âm thanh được phát ra đều diễn thuyết Diệu Pháp, cùng hòa hợp với 12 Bộ Kinh.

若出定時憶持不失。見此事已。

Nhược xuất Định thời ức trì bất thất. Kiến thử sự dĩ.

Nếu khi ra khỏi Định giữ nhớ lại không quên. Nhìn thấy việc này rồi.

名見無量壽佛極樂世界。是為普觀想，名第十二觀。

Danh kiến Vô Lượng Thọ Phật Cực-lạc Thế giới. Thệ vi phổ quan tướng, danh đệ thập nhị quan.

Tên là nhìn thấy Cực-lạc Thế giới của Vô Lượng Thọ Phật. Đó là tướng nhớ quan sát rộng khắp, tên là quan sát thứ 12.

無量壽佛化身無數，與觀世音及大勢至。

Vô Lượng Thọ Phật hóa thân vô số, dữ Quan Thế Âm cập Đại Thế Chí.

Vô số hoá thân của Vô Lượng Thọ Phật cùng với Quan Thế Âm và Đại Thế Chí.

常來至此行人之所。作是觀者名為正觀，若他觀者名為邪觀。

Thường lai chí thử hành nhân chi sở. Tác thệ quan giả danh vi chính quan, nhược tha quan giả danh vi tà quan.

Thường lui tới nơi ở của người tu hành này. Quan sát như thế tên là quan sát đúng, nếu quan sát khác đi tên là quan sát sai lệch.

佛告阿難及韋提希：若欲至心生西方者。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi : Nhược dục chí tâm sinh Tây phương giả.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi : Nếu thành tâm muốn sinh Tây phương.

先當觀於一丈六像在池水上，如先所說。

Tiên đương quan ư nhất trượng lục tượng tại trì thủy thượng, như tiên sở thuyết.

Trước tiên cần quan sát tượng cao khoảng 5,3m ở trên ao, như phần trước đã nói.

無量壽佛身量無邊，非是凡夫心力所及。

Vô Lượng Thọ Phật thân lượng vô biên, phi thệ Phàm phu tâm lực sở cập.

Thân lượng của Vô Lượng Thọ Phật vô biên, không phải tâm của người Phàm nào cũng theo kịp.

然彼如來宿願力故，有憶想者必得成就。

Nhiên bỉ Như Lai túc nguyện lực cố, hữu ức tướng giả tất đắc thành tựu.

Tuy nhiên do nguyện lực trước của Như Lai đó, nếu suy tưởng nhớ lại nhất định sẽ thành công.

但想佛像得無量福，況復觀佛具足身相。

Đãn tưởng Phật tượng đắc vô lượng Phúc, huống phục quan Phật cụ túc thân tướng.

Chỉ tưởng nhớ Tượng Phật được vô lượng Phúc, huống chỉ lại quan sát đầy đủ thân tướng của Phật.

阿彌陀佛神通如意，於十方國變現自在。

A Di Đà Phật thân thông như ý, ư thập phương quốc biến hiện Tự-tại.

Thần thông của A Di Đà Phật như ý, ở mười phương Đất nước tự do biến hiện.

或現大身滿虛空中，或現小身丈六八尺。

Hoặc hiện đại thân mãn hư không trung, hoặc hiện tiểu thân trượng lục bát xích.

Hoặc hiện thân lớn đầy khắp trong khoảng không, hoặc hiện thân nhỏ cao 5,3m.

所現之形皆真金色。圓光化佛及寶蓮花，如上所說。

Sở hiện chi hình giai chân kim sắc. Viên-quang hóa Phật cập bảo liên hoa, như thượng sở thuyết.

Hình được hoá hiện đều sắc vàng mười. Vàng quang hoá Phật và hoa Sen báu, như trên đã nói.

觀世音菩薩及大勢至。於一切處身同。

Quan Thế Âm Bồ-tát cập Đại Thế Chí, ư nhất thiết xứ thân đồng.

Quan Thế Âm Bồ-tát và Đại Thế Chí, Thân cùng nhau ở khắp mọi nơi.

眾生但觀首相，知是觀世音，知是大勢至。

Chúng sinh đản quan thủ tướng, tri thị Quan Thế Âm, tri thị Đại Thế Chí.

Chúng sinh chỉ quan sát tướng đầu, biết là Quan Thế Âm, biết là Đại Thế Chí.

此二菩薩助阿彌陀佛，普化一切。

Thử nhị Bồ-tát trợ A Di Đà Phật, phổ hóa nhất thiết.

Hai Bồ-tát này trợ giúp A Di Đà Phật, giáo hoá khắp tất cả.

是為雜想觀，名第十三觀。

Thị vi tạp tưởng quan, danh đệ thập tam quan.

Đó là tưởng nhớ quan sát tổng hợp, tên là quan sát thứ 13.

作是觀者名為正觀，若他觀者名為邪觀。

Tác thị quan giả danh vi chính quan, nhược tha quan giả danh vi tà quan.

Làm quan sát đó tên là quan sát đúng, nếu quan sát khác đi tên là quan sát sai lệch.

佛告阿難及韋提希：凡生西方有九品人。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi : Phạm sinh Tây phương hữu cửu phẩm nhân.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi : Thường sinh Tây phương người có 9 phẩm.

佛告阿難及韋提希！上品上生者：

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi ! Thượng phẩm thượng sinh giả :

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi ! Sinh phẩm đầu bậc cao nhất :

若有眾生願生彼國者。發三種心即便往生。何等為三？

Nhược hữu chúng sinh nguyện sinh bỉ quốc giả. Phát tam chủng tâm tức tiện vãng sinh. Hà đẳng vi tam？

Nếu có chúng sinh nguyện sinh đất nước đó. Phát khởi 3 loại tâm tức thì liền được vãng sinh.

Thế nào là 3 loại tâm？

一者至誠心。二者深心。三者迴向發願心。

Nhất giả chí thành tâm. Nhị giả thâm tâm. Tam giả hồi hướng phát nguyện tâm.

Một là tâm chí thành. Hai là tâm thâm sâu. Ba là tâm phát nguyện hồi hướng.

具三心者必生彼國。復有三種眾生，當得往生。

Cụ tam tâm giả tất sinh bỉ quốc. Phục hữu tam chủng chúng sinh, đương đắc vãng sinh.

Đầy đủ 3 loại tâm nhất định được sinh nước đó. Lại có 3 loại chúng sinh, đang được vãng sinh.

何等為三？一者慈心不殺具諸戒行。

Hà đẳng vi Tam？Nhất giả Từ tâm bất sát cụ chư Giới hạnh.

Thế nào là Ba？Một là Tâm Từ Bi không sát hại, đầy đủ các Giới hạnh.

二者讀誦大乘方等經典。

Nhị giả độc tụng Đại-thừa phương đẳng Kinh điển.

Hai là đọc tụng Đại-thừa Kinh điển Bình đẳng.

三者修行六念迴向發願生彼佛國。具此功德，一日乃至七日。

Tam giả tu hành lục niệm hồi hướng phát nguyện sinh bỉ Phật quốc. Cụ thử công đức, nhất nhật nãi chí thất nhật.

Ba là tu hành 6 suy nhớ (nhớ Phật, Pháp, Tăng, bố Thí, giữ Giới, thường xuyên hàng ngày nghĩ nhớ 5 việc trước) hồi hướng phát nguyện sinh Đât Phật đó. Đủ công Đức này, một ngày thậm chí bảy ngày.

即得往生，生彼國時，此人精進勇猛故。

Tức đắc vãng sinh, sinh bỉ quốc thời, thử nhân tinh tiến dũng mãnh cố.

Tức thì được vãng sinh, khi sinh nước đó, do người này tinh tiến dũng mãnh.

阿彌陀如來與觀世音及大勢至無數化佛。

A Di Đà Như Lai dữ Quan Thế Âm cập Đại Thế Chí vô số hóa Phật.

A Di Đà Như Lai và Quan Thế Âm cùng với Đại Thế Chí vô số hóa Phật.

百千比丘聲聞大眾無量諸天，七寶宮殿。

Bách thiên Tì- kheo Thanh-văn Đại chúng vô lượng chư Thiên, thất bảo cung điện.

Trăm nghìn Tì- kheo Thanh-văn Đại chúng vô lượng người Trời, cung điện bảy báu.

觀世音菩薩執金剛臺，與大勢至菩薩至行者前。

Quan Thế Âm Bồ-tát chấp Kim Cương đài, dữ Đại Thế Chí Bồ-tát chí hành giả tiền.

Quan Thế Âm Bồ-tát cầm đài Kim Cương, cùng với Đại Thế Chí Bồ-tát tới trước mặt họ.

阿彌陀佛放大光明照行者身。

A Di Đà Phật phóng đại Quang-minh chiếu hành giả thân.

A Di Đà Phật phóng Quang-minh lớn chiếu tới thân của họ.

與諸菩薩授手迎接。觀世音大勢至與無數菩薩。

Dữ chư Bồ-tát thụ thủ nghênh tiếp. Quan Thế Âm Đại Thế Chí dữ vô số Bồ-tát.

Cùng với các Bồ-tát bắt tay nghênh tiếp. Quan Thế Âm Đại Thế Chí và vô số Bồ-tát.

讚歎行者勸進其心，行者見已歡喜踊躍。

Tán thán hành giả khuyến tiến kỳ tâm, hành giả kiến dĩ hoan hỷ dũng dục.

Ca ngợi họ khuyến khích tâm họ, họ nhìn thấy rồi vui mừng phấn chấn.

自見其身乘金剛臺，隨從佛後。

Tự kiến kỳ thân thừa Kim cương đài, tùy tùng Phật hậu.

Tự nhìn thấy Thân của họ ngồi đài Kim cương, đi theo sau Phật.

如彈指頃往生彼國，生彼國已。見佛色身眾相具足。

Như đàn chỉ khoảnh vãng sinh bỉ quốc, sinh bỉ quốc dĩ. Kiến Phật sắc thân chúng tướng cụ túc.

Chỉ trong giây phút vãng sinh nước đó, sinh nước đó rồi. Nhìn thấy đầy đủ các Tướng Sắc thân của Phật.

見諸菩薩色相具足。光明寶林演說妙法。

Kiến chư Bồ-tát sắc tướng cụ túc. Quang-minh bảo lâm diễn thuyết Diệu Pháp.

Nhìn thấy đầy đủ Sắc Tướng của các Bồ-tát. Nhiều Quang-minh báu diễn thuyết Diệu Pháp.

聞已即悟無生法忍。經須臾間歷事諸佛。

Văn dĩ tức ngộ Vô-sinh Pháp-nhẫn. Kinh tu du gian lịch sự chư Phật.

Nghe xong tức thì giác ngộ Pháp nhẫn Không sinh. Qua thời gian ngắn trải qua việc của các Phật.

遍十方界，於諸佛前次第受記，還至本國。

Biển thập phương giới, ư chư Phật tiền thứ đệ thụ ký, hoàn chí bản quốc.

Biển ra khắp mười phương Thế giới, ở trước các Phật lần lượt được Chuyển bậc thành Phật, trở về nước cũ.

得無量百千陀羅尼門。是名上品上生者。

Đắc vô lượng bách thiên Đà-la-ni môn. Thị danh thượng phẩm thượng sinh giả.

Được vô lượng trăm nghìn môn Đà-la-ni. Tên là sinh phẩm đầu bậc cao nhất.

上品中生者：不必受持讀誦方等經典。

Thượng phẩm trung sinh giả : Bất tất thụ trì đọc tụng phương đẳng Kinh điển.

Sinh phẩm giữa bậc cao nhất: Không nhất thiết cần phải ghi nhớ đọc tụng Kinh điển Bình đẳng.

善解義趣，於第一義心不驚動。

Thiện giải nghĩa thú, u đệ nhất nghĩa tâm bất kinh động.

Hiểu được ý nghĩa, với nghĩa ‘Thực tướng, không có tướng’ tâm không kinh hãi lay động.

深信因果不謗大乘。以此功德，迴向願求生極樂國。

Thâm tín nhân quả bất báng Đại-thừa. Dĩ thử công Đức, hồi hướng nguyện cầu sinh Cực-lạc quốc.

Tin thâm sâu nhân quả không phi báng Đại-thừa. Dùng công Đức này, hồi hướng nguyện được sinh nước Cực-lạc.

行此行者命欲終時。

Hành thử Hạnh giả mệnh dục chung thời.

Người tu hành Hạnh này lúc sắp bỏ mệnh.

阿彌陀佛與觀世音及大勢至，無量大眾眷屬圍繞。

A Di Đà Phật dữ Quan Thế Âm cập Đại Thế Chí, vô lượng Đại chúng quyền thuộc vi nhiều.

A Di Đà Phật và Quan Thế Âm cùng với Đại Thế Chí, vô lượng Đại chúng quyền thuộc vây quanh.

持紫金臺至行者前讚言：法子！汝行大乘解第一義。

Trì tử kim đài chí hành giả tiền tán ngôn : Pháp Tử ! Nhữ hành Đại-Thừa giải đệ nhất nghĩa.

Cầm đài vàng sắc tía tới trước họ khen ngợi rằng : Thầy Pháp ! Ngài tu hành Đại-thừa hiểu nghĩa ‘Thực tướng, không có tướng’.

是故我今來迎接汝，與千化佛一時授手。

Thị cố Ngã kim lai nghênh tiếp Nhữ , dữ thiên hóa Phật nhất thời thụ thủ.

Vì thế Ta nay tới đón rước Ngài, cùng lúc bắt tay nghìn hóa Phật.

行者自見坐紫金臺，合掌叉手讚歎諸佛。

Hành giả tự kiến tọa tử kim đài, hợp chưởng xoa thủ tán thán chư Phật.

Họ tự được ngồi đài vàng sắc tía, chấp tay bắt chéo bàn tay khen ngợi các Phật.

如一念頃，即生彼國七寶池中。

Như nhất niệm khoảnh, tức sinh bỉ quốc thất bảo trì trung.

Chỉ trong khoảnh khắc, tức thì sinh nước đó trong ao bảy báu.

此紫金臺如大寶花，經宿即開，行者身作紫磨金色。

Thử tử kim đài như đại bảo hoa, kinh túc tức khai, hành giả thân tác tử ma kim sắc.

Đài vàng sắc tía này giống như hoa báu lớn, qua đêm tức thì hoa mở, thân họ sắc tía nhạt.

足下亦有七寶蓮華。佛及菩薩俱放光明。

Túc hạ diệc hữu thất bảo liên hoa. Phật cập Bồ-tát câu phóng Quang-minh.

Dưới chân cũng có hoa Sen bảy báu. Phật và Bồ-tát cùng phóng Quang sáng.

照行者身目即開明，因前宿習普聞眾聲。

Chiếu hành giả thân mục tức khai minh, nhân tiền túc tập phổ văn chúng thanh.

Chiếu tới thân họ, mắt tức thì mở ra, nhân do Kiếp trước học tập thường nghe các âm thanh.

純說甚深第一義諦。

Thuần thuyết thậm thâm đệ nhất nghĩa đế.

Chỉ duy nhất nói nghĩa thâm sâu ‘Thực tướng, không có tướng’.

即下金臺禮佛合掌讚歎世尊，經於七日。

Tức hạ kim đài lễ Phật hợp chưởng tán thán Thế Tôn, kinh ư thất nhật.

Tức thì bước xuống đài vàng lễ Phật chấp tay ca ngợi Thế Tôn, trải qua 7 ngày.

應時即於阿耨多羅三藐三菩提，得不退轉。應時即能飛至十方。

Ứng thời tức ư A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề, đắc Bất-thoái-chuyển. Ứng thời tức năng phi chí thập phương.

Đúng dịp tức thì ở trong đạo Chính đẳng Giác, được Không thoái lui. Hợp thời tức thì có thể bay tới mười phương.

歷事諸佛，於諸佛所修諸三昧。

Lịch sự chư Phật, ư chư Phật sở tu chư Tam-muội.

Trải qua việc của các Phật, tu các Tam-muội ở nơi các Phật.

經一小劫得無生法忍現前受記。

Kinh nhất Tiểu-kiếp đắc Vô-sinh Pháp nhẫn hiện tiền thụ ký.

Qua một Tiểu kiếp (16,80 triệu năm) được Pháp nhẫn Không sinh hiện ở trước các Phật Chuyển bậc thành Phật.

是名上品中生者。

Thị danh thượng phẩm trung sinh giả.

Tên là sinh phẩm giữa bậc cao nhất.

上品下生者：亦信因果不謗大乘。

Thượng phẩm hạ sinh giả : Diệc tín nhân quả bất báng Đại-thừa.

Sinh phẩm cuối bậc cao nhất : Cũng tin nhân quả không phỉ báng Đại-thừa.

但發無上道心，以此功德，迴向願求生極樂國。

Đãn phát Vô-thượng Đạo tâm, dĩ thử công Đức, hồi hướng nguyện cầu sinh Cực-lạc quốc.

Chỉ phát tâm Đạo Bình đẳng, dùng công Đức này, hồi hướng nguyện được sinh nước Cực-lạc.

彼行者命欲終時。

Bỉ hành giả mệnh dục chung thời.

Người đó lúc sắp bỏ mệnh.

阿彌陀佛及觀世音并大勢至，與諸眷屬持金蓮華。

A Di Đà Phật cập Quan Thế Âm tịnh Đại Thế Chí, dĩ chư quyến thuộc trì kim liên hoa.

A Di Đà Phật và Quan Thế Âm cùng với Đại Thế Chí, và các quyến thuộc cầm hoa Sen bằng vàng.

化作五百化佛來迎此人。五百化佛一時授手。

Hóa tác ngũ bách hóa Phật lai nghênh thử nhân. Ngũ bách hóa Phật nhất thời thụ thủ.

Biến hoá thành 500 hoá Phật tới nghênh đón người này. 500 hoá Phật đồng thời bắt tay.

讚言：法子！汝今清淨發無上道心。我來迎汝。

Tán ngôn : Pháp Tử ! Nhữ kim thanh tịnh phát Vô-thượng Đạo tâm. Ngã lai nghênh Nhữ.

Khen rằng : Thầy Pháp ! Ngài nay thanh tịnh phát tâm Đạo Bình đẳng. Ta tới đón Ngài.

見此事時，即自見身坐金蓮花，坐已華合。

Kiến thử sự thời, tức tự kiến thân tọa kim liên hoa, tọa dĩ hoa hợp.

Khi nhìn thấy việc này, tức thì thân tự được ngồi trên hoa Sen bằng vàng, ngồi xong hoa khép lại.

隨世尊後即得往生七寶池中。

Tùy Thế Tôn hậu tức đắc vãng sinh thất bảo trì trung.

Theo sau Thế Tôn tức thì được vãng sinh trong ao bảy báu.

一日一夜蓮花乃開，七日之中乃得見佛。

Nhật nhật nhất dạ liên hoa nãi khai, thất nhật chi trung nãi đắc kiến Phật.

Một ngày một đêm hoa Sen lại mở, trong 7 ngày mới được gặp Phật.

雖見佛身於眾相好心不明了，於三七日後乃了了見。

Tuy kiến Phật thân ư chúng Tướng-hảo tâm bất minh liễu, ư tam thất nhật hậu nãi liễu liễu kiến.

Tuy nhìn thấy thân Phật và các Tướng-hảo tâm không sáng rõ, sau 21 ngày mới nhìn thấy rõ ràng.

聞眾音聲皆演妙法。遊歷十方供養諸佛。

Văn chúng âm thanh giai diễn Diệu Pháp, du lịch thập phương cúng dường chư Phật.

Nghe các âm thanh đều diễn thuyết Diệu Pháp, du hành tới mười phương cúng dường các Phật.

於諸佛前聞甚深法。

Ư chư Phật tiền văn thậm thâm Pháp.

Ở trước các Phật nghe Pháp thâm sâu.

經三小劫得百法明門，住歡喜地。是名上品下生者。

Kinh tam Tiểu-kiếp đắc bách Pháp-minh môn, trụ Hoan-hỉ địa. Thị danh thượng phẩm hạ sinh giả.

Qua 3 Tiểu-kiếp (50,40 triệu năm) được trí tuệ ở địa vị Bồ-tát bậc 1, Hoan-hỉ địa Bồ-tát. Tên là sinh phẩm cuối bậc cao nhất.

是名上輩生想，名第十四觀。作是觀者名為正觀。

Thị danh thượng bối sinh tưởng, danh đệ thập tứ quan. Tác thị quan giả danh vi chính quan.

Tên là tưởng nhớ sinh phẩm bậc cao nhất, tên là quan sát thứ 14. Quan sát như thế tên là quan sát đúng.

若他觀者名為邪觀。

Nhược tha quan giả danh vi tà quan.

Nếu quan sát khác đi tên là quan sát sai lệch.

佛告阿難及韋提希：中品上生者。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi : Trung phẩm thượng sinh giả.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi : Sinh phẩm đầu bậc trung bình.

若有眾生受持五戒，持八戒齋，修行諸戒。

Nhược hữu chúng sinh thụ trì Ngũ-giới, trì Bát-giới trai, tu hành chư giới.

Nếu có chúng sinh nhận giữ 5 giới, giữ 8 trai giới, tu hành các Giới hạnh.

不造五逆，無眾過惡，以此善根。

Bất tạo ngũ nghịch, vô chúng quá ác, dĩ thử thiện Căn.

Không tạo ngũ nghịch, không tạo bất kỳ ác nào, dùng Căn thiện này.

迴向願求生於西方極樂世界。行者臨命終時。

Hồi hướng nguyện cầu sinh ư Tây phương Cực-lạc Thế giới. Hành giả lâm mệnh chung thời.

Hồi hướng nguyện được sinh ở Tây phương Cực-lạc Thế giới. Họ lúc sắp bỏ mệnh.

阿彌陀佛與諸比丘眷屬圍繞。

A Di Đà Phật dữ chư Tì-kheo quyến thuộc vi nhiều.

A Di Đà Phật và các Tì-kheo quyến thuộc vây quanh.

放金色光至其所，演說苦空無常無我。

Phóng kim sắc quang chí kỳ nhân sở, diễn thuyết khổ không Vô-thường Vô-ngã.

Phóng quang sắc vàng tới nơi ở của người đó, diễn thuyết Khổ Rỗng không Biến đổi Không có bản thân.

讚歎出家得離眾苦。行者見已心大歡喜。

Tán thán xuất gia đắc ly chúng khổ. Hành giả kiến dĩ tâm đại hoan hỉ.

Ca ngợi xuất gia được thoát các khổ. Họ nhìn thấy rồi tâm rất vui mừng.

自見己身坐蓮花臺，長跪合掌為佛作禮。

Tự kiến kỷ thân tọa liên hoa đài, trường quy hợp chưởng vị Phật tác lễ.

Bản thân tự được ngồi đài hoa Sen, chấp tay quỳ lâu vì Phật đỉnh lễ.

未舉頭頃即得往生極樂世界，蓮花尋開。

Vị cử đầu khoảnh tức đắc vãng sinh Cực-lạc Thế giới, liên hoa tầm khai.

Khoảnh khắc chưa kịp ngược lên tức thì được vãng sinh Cực-lạc Thế giới, hoa Sen đang mở.

當華敷時，聞眾音聲讚歎四諦，應時即得阿羅漢道。

Đương hoa phu thời, văn chúng âm thanh tán thán Tứ-đế, ứng thời tức đắc A-la-hán Đạo.

Lúc hoa Sen đang mở, nghe các âm thanh ca ngợi Tứ-đế, đứng dịp tức thì được Đạo A-la-hán.

三明六通具八解脫。是名中品上生者。

Tam-minh Lục-thông cụ Bát Giải-thoát. Thị danh trung phẩm thượng sinh giả.

Ba minh 6 Thần thông đủ 8 Giải-thoát. Tên đó là sinh phẩm đầu bậc trung bình.

中品中生者。若有眾生，若一日一夜持八戒齋。

Trung phẩm trung sinh giả : Nhược hữu chúng sinh, nhược nhất nhật nhất dạ trì Bát-giới trai.

Sinh phẩm giữa bậc trung bình : Nếu có chúng sinh, nếu một ngày một đêm giữ 8 Trai giới.

若一日一夜持沙彌戒。若一日一夜持具足戒。

Nhược nhất nhật nhất dạ trì Sa-di giới. Nhược nhất nhật nhất dạ trì Cụ-túc giới.

Nếu một ngày một đêm giữ 10 Giới thiện. Hoặc một ngày một đêm giữ Cụ-túc Giới.

威儀無缺。以此功德，迴向願求生極樂國。

Uy nghi vô khuyết. Dĩ thử công Đức, hồi hướng nguyện cầu sinh Cực-lạc quốc.

Uy nghi đầy đủ. Dùng công Đức này, hồi hướng nguyện được sinh nước Cực-lạc.

戒香薰修，如此行者命欲終時。

Giới hương huân tu, như thử hành giả mệnh dục chung thời.

Tu Giới hương thơm, như thể người này lúc sắp bỏ mệnh.

見阿彌陀佛與諸眷屬放金色光。

Kiến A Di Đà Phật dữ chư quyến thuộc phóng kim sắc quang.

Được A Di Đà Phật và các quyến thuộc phóng quang sắc vàng.

持七寶蓮花至行者前，行者自聞空中有聲。讚言：善男子！

Trì thất bảo liên hoa chí hành giả tiền, hành giả tự văn không trung hữu thanh. Tán ngôn: Thiện nam tử !

Cầm hoa Sen bảy báu tới trước Họ, Họ tự nghe trong khoảng không có âm thanh. Khen rằng : Ngài nam thiện !

如汝善人，隨順三世諸佛教故。我來迎汝。

Như Nhữ thiện nhân, tùy thuận Tam-thế chư Phật giáo cố. Ngã lai nghênh Nhữ.

Người thiện như Ngài, vì thuận theo giáo huấn của Ba đời các Phật. Ta tới đón tiếp Ngài.

行者自見坐蓮花上，蓮花即合。

Hành giả tự kiến tọa liên hoa thượng, liên hoa tức hợp.

Họ tự được ngồi trên hoa Sen, hoa Sen tức thì khép lại.

生於西方極樂世界，在寶池中。經於七日蓮花乃敷。

Sinh ư Tây phương Cực-lạc Thế giới, tại bảo trì trung. Kinh ư thất nhật liên hoa nãi phu.

Sinh ở Tây phương Cực-lạc Thế giới, trong ao Sen sáu. Trải qua 7 ngày hoa Sen lại mở.
花既敷已，開目合掌讚歎世尊。

Hoa ký phu dĩ, khai mục hợp chưởng tán thán Thế Tôn.

Hoa đã mở xong, mở mắt chấp tay ca ngợi Thế Tôn.

聞法歡喜得須陀洹。經半劫已成阿羅漢。

Văn Pháp hoan hỉ đắc Tu-đà-hoàn. Kinh bán Kiếp dĩ thành A-la-hán.

Nghe Pháp vui mừng được quả Tu-đà-hoàn. Trải qua nửa Kiếp (8,40 triệu năm) thành A-la-hán.
是名中品中生者。

Thị danh trung phẩm trung sinh giả.

Tên đó sinh phẩm giữa bậc trung bình.

中品下生者：若有善男子善女人。

Trung phẩm hạ sinh giả : Nhược hữu Thiện nam tử thiện nữ nhân.

Sinh phẩm cuối bậc trung bình : Nếu có Thiện nam Tín nữ.

孝養父母行世仁義。此人命欲終時遇善知識。

Hiếu dưỡng Phụ mẫu hành thế nhân nghĩa. Thử nhân mệnh dục chung thời ngộ thiện Tri thức.

Hiếu dưỡng Cha mẹ hành nhân nghĩa ở đời. Người này lúc sắp bỏ mệnh gặp Tri thức thiện.

為其廣說阿彌陀佛國土樂事。

Vị kỳ quảng thuyết A Di Đà Phật quốc thổ lạc sự.

Vì người đó nói về việc vui ở Đất nước của A Di Đà Phật.

亦說法藏比丘四十八大願，聞此事已尋即命終。

Diệc thuyết Pháp-tạng Tì-kheo tứ thập bát Đại nguyện, văn thử sự dĩ tầm tức mệnh chung.

Cũng nói 48 Đại nguyện của Pháp-tạng Tì-kheo, nghe xong việc này đúng lúc tức thì bỏ mệnh.

譬如壯士屈伸臂頃，即生西方極樂世界。

Thí như tráng sĩ khuất thân tứ khoảnh, tức sinh Tây phương Cực-lạc Thế giới.

Ví như tráng sĩ duỗi thẳng chân tay, tức thời sinh Tây phương Cực-lạc Thế giới.

生經七日遇觀世音及大勢至。

Sinh kinh thất nhật ngộ Quan Thế Âm cập Đại Thế Chí.

Sinh qua 7 ngày gặp được Quan Thế Âm và Đại Thế Chí.

聞法歡喜得須陀洹。過一小劫成阿羅漢。

Văn Pháp hoan hỉ đắc Tu-đà-hoàn. Quá nhất Tiểu-kiếp thành A-la-hán.

Nghe Pháp vui mừng được quả Tu-đà-hoàn. Qua một Tiểu-kiếp thành A-la-hán.

是名中品下生者。是名中輩生想，名第十五觀。

Thị danh trung phẩm hạ sinh giả. Thị danh trung bối sinh tưởng, danh đệ thập ngũ quan.

Tên là sinh phẩm cuối bậc trung bình. Tên đó là tưởng nhớ sinh bậc trung bình, tên là quan sát thứ 15.

作是觀者名為正觀，若他觀者名為邪觀。

Tác thị quan giả danh vi chính quan, nhược tha quan giả danh vi tà quan.

Làm quan sát đó tên là quan sát đúng, nếu quan sát khác đi tên là quan sát sai lệch.

佛告阿難及韋提希：下品上生者。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi : Hạ phẩm thượng sinh giả.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi : Sinh phẩm đầu bậc cuối cùng.

或有眾生作眾惡業，雖不誹謗方等經典。

Hoặc hữu chúng sinh tác chúng ác nghiệp, tuy bất phỉ báng phương đẳng Kinh điển.

Nếu có chúng sinh tạo tác các nghiệp ác, tuy không phỉ báng Kinh điển Bình đẳng.

如此愚人，多造惡法無有慚愧。

Như thử ngu nhân, đa tạo ác pháp vô hữu tàm quý.

Như người ngu này, tạo nhiều kiêu ác không có xấu hổ.

命欲終時遇善知識，為讚大乘十二部經首題名字。

Mệnh dục chung thời ngộ thiện Tri thức, vị tán Đại-thừa thập nhị bộ Kinh thủ đề danh tự.

Lúc mệnh sắp hết gặp được Tri thức thiện, vì ca ngợi Đại-thừa tên hiệu 12 Bộ Kinh.

以聞如是諸經名故，除却千劫極重惡業。

Dĩ văn như thị chư Kinh danh cố, trừ khước thiên Kiếp cực trọng ác Nghiệp.

Do nghe được tên hiệu các Kinh như thế, trừ bỏ được Nghiệp ác cực nặng của nghìn Kiếp.

智者復教合掌叉手，稱南無阿彌佛。

Trí giả phục giáo hợp chưởng xoa thủ, xưng Nam mô A Di Đà Phật.

Người Trí lại dạy chấp tay bắt chéo hai bàn tay, đọc tên Nam mô A Di Đà Phật.

稱佛名故，除五十億劫生死之罪。爾時彼佛。

Xưng Phật danh cố, trừ ngũ thập ức Kiếp sinh tử chi tội. Nhĩ thời bị Phật.

Do đọc tên hiệu Phật, tiêu trừ tội sinh chết của 50 triệu Kiếp. Khi ấy Phật đó.

即遣化佛化觀世音化大勢至，至行者前。

Tức khiển hóa Phật hóa Quan Thế Âm hóa Đại Thế Chí, chí hành giả tiền.

Tức thì sai khiến hoá Phật hóa Quan Thế Âm hóa Đại Thế Chí, tới trước Họ.

讚言：善哉！善男子！汝稱佛名故諸罪消滅。

Tán ngôn : Thiện tai ! Thiện nam tử ! Nhữ xưng Phật danh cố chư tội tiêu diệt.

Khen nói rằng : Thiện thay ! Ngài nam thiện ! Ngài do đọc tên hiệu Phật các tội tiêu diệt.

我來迎汝，作是語已。

Ngã lai nghênh Nhữ, tác thị ngữ dĩ.

Ta tới đón Ngài, làm lời nói đó xong.

行者即見化佛光明遍滿其室。見已歡喜即便命終，乘寶蓮花。

Hành giả tức kiến hóa Phật Quang-minh biến mãn kỳ thất. Kiến dĩ hoan hỷ tức tiện mệnh chung, thừa bảo liên hoa.

Họ tức thời nhìn được Quang sáng của hoá Phật biến ra đầy phòng ở của mình. Nhìn thấy rồi vui mừng tức thì liền bỏ mệnh, ngồi hoa Sen báu.

隨化佛後生寶池中。經七七日蓮花乃敷。

Tùy hóa Phật hậu sinh Bảo-trì trung. Kinh thất thất nhật liên hoa nãi phu.

Theo sau hoá Phật sinh trong ao báu. Qua 49 ngày hoa Sen mới mở.

當花敷時，大悲觀世音菩薩及大勢至菩薩。

Đương hoa phu thời, Đại Bi Quan Thế Âm Bồ-tát cập Đại Thế Chí Bồ-tát.

Khi hoa đang mở, Đại Bi Quan Thế Âm Bồ-tát và Đại Thế Chí Bồ-tát.

放大光明住其人前，為說甚深十二部經。

Phóng đại Quang-minh trụ kỳ nhân tiền, vị thuyết thậm thâm thập nhị bộ Kinh.

Phóng Quang sáng lớn ở trước người đó, vì thuyết thâm sâu 12 Bộ Kinh.

聞已信解發無上道心。經十小劫，具百法明門。

Văn dĩ tín giải phát Vô-thượng Đạo tâm. Kinh thập Tiểu-kiếp, cụ bách Pháp-minh môn,

Nghe xong tin hiểu phát tâm Đạo Bình đẳng. Qua 10 Tiểu-kiếp, đầy đủ trí tuệ bắt đầu nhập vào Đạo Bồ-tát.

得入初地。是名下品上生者。

Đắc nhập Sơ-địa. Thị danh hạ phẩm thượng sinh giả.

Được Hoan-hỷ địa Bồ-tát. Tên đó là sinh phẩm đầu bậc cuối cùng.

得聞佛名法名及聞僧名，聞三寶名即得往生。

Đắc văn Phật danh Pháp danh cập văn Tăng danh, văn Tam-bảo danh tức đắc vãng sinh.

Được nghe tên Phật tên Pháp và nghe tên Tăng, nghe tên Tam-bảo tức thì được vãng sinh.

佛告阿難及韋提希：下品中生者，或有眾生。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi：Hạ phẩm trung sinh giả, hoặc hữu chúng sinh.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi：Sinh phẩm giữa bậc cuối cùng, nếu có chúng sinh.

毀犯五戒八戒及具足戒，如此愚人。

Hủy phạm Ngũ-giới Bát-giới cập Cụ-túc-giới, như thử ngu nhân.

Hủy hoại vi phạm 5 Giới 8 Giới và Cụ-túc-giới, như người ngu này.

偷僧祇物盜現前僧物，不淨說法無有慚愧。

Thâu Tăng kỳ vật đạo hiện tiền Tăng vật, bất tịnh thuyết Pháp vô hữu tầm quý.

Trộm đồ vật của Tăng ngang nhiên cướp vật của Tăng, nói Pháp không Thanh tịnh không có xấu hổ.

以諸惡法而自莊嚴。如此罪人，以惡業故應墮地獄。

Dĩ chư ác pháp nhi tự trang nghiêm. Như thử tội nhân, dĩ ác nghiệp cố ứng đoạ Địa-ngục.

Dùng các việc ác mà tự trang nghiêm. Người tội như thế, do tạo Nghiệp ác phải đoạ Địa-ngục.

命欲終時，地獄眾火一時俱至。

Mệnh dục chung thời, Địa-ngục chúng hòa nhất thời câu chí.

Lúc sắp bỏ mệnh, các lửa Địa-ngục cùng lúc đều tới.

遇善知識以大慈悲。即為讚說阿彌陀佛十力威德。

Ngộ thiện Tri-thức dĩ Đại Từ Bi, tức vi tán thuyết A Di Đà Phật Thập-lực Uy Đức.

Gặp Tri thức thiện dùng Đại Từ Bi, tức thời ca ngợi nói Uy Đức mười Lực của A Di Đà Phật.

廣讚彼佛光明神力。亦讚戒定慧解脫解脫知見。

Quảng tán bĩ Phật Quang-minh thần lực. Diệc tán Giới-Định-Tuệ Giải-thoát Giải-thoát Tri-kiến.

Khen ngợi rộng khắp Quang sáng Thần lực của Phật đó. Cũng khen ngợi Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát Thấy biết.

此人聞已除八十億劫生死之罪。地獄猛火化為涼風，吹諸天華。

Thử nhân văn dĩ trừ bát thập ức Kiếp sinh tử chi tội. Địa-ngục mãnh hỏa hóa vi lương phong, xuy chư Thiên hoa.

Người này nghe xong trừ diệt tội sinh chết của 80 triệu Kiếp. Lửa mạnh Địa-ngục hoá thành gió mát, thổi các hoa Trời.

華上皆有化佛菩薩，迎接此人。

Hoa thượng giai hữu hóa Phật Bồ-tát, nghênh tiếp thử nhân.

Trên hoa đều có hoá Phật Bồ-tát, nghênh tiếp người này.

如一念頃，即得往生七寶池中蓮花之內。

Như nhất niệm khoảnh, tức đắc vãng sinh thất bảo trì trung liên hoa chi nội.

Chỉ trong khoảnh khắc, tức thì được vãng sinh trong hoa Sen ở trong ao bảy báu.

經於六劫蓮花乃敷當華敷時，觀世音大勢至。

Kinh ư lục Kiếp liên hoa nãi phu đương hoa phu thời, Quan Thế Âm Đại Thế Chí.

Trải qua 6 Kiếp ở trong hoa Sen, đương lúc hoa mở, Quan Thế Âm Đại Thế Chí.

以梵音聲安慰彼人，為說大乘甚深經典。

Dĩ Phạm âm thanh an úy bĩ nhân, vị thuyết Đại-thừa thậm thâm Kinh điển.

Dùng tiếng Phạm an ủi người đó, vì thuyết Đại thừa Kinh điển thâm sâu.

聞此法已，應時即發無上道心。是名下品中生者。

Văn thử Pháp dĩ, ứng thời tức phát Vô-thượng Đạo tâm. Thị danh hạ phẩm trung sinh giả.

Nghe Pháp này xong, đứng dậy tức thì phát tâm Đạo Bình đẳng. Tên đó là sinh phẩm giữa bậc cuối cùng.

佛告阿難及韋提希：下品下生者。

Phật cáo A-nan cập Vi-đề-hi : Hạ phẩm hạ sinh giả.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hi : Sinh phẩm cuối bậc cuối cùng.

或有眾生作不善業五逆十惡，具諸不善。

Hoặc hữu chúng sinh tác bất thiện nghiệp ngũ nghịch thập ác, cụ chư bất thiện.

Nếu có chúng sinh tạo tác Nghiệp không thiện ngũ nghịch mười ác, đủ các việc không thiện.

如此愚人以惡業故應墮惡道。

Như thử ngu nhân dĩ ác nghiệp cố ứng đọa Ác-đạo.

Như người ngu này do dùng Nghiệp ác, phải đọa Đường dữ.

經歷多劫受苦無窮。如此愚人臨命終時。

Kinh lịch đa Kiếp thụ khổ vô cùng. Như thử ngu nhân lâm mệnh chung thời.

Trải qua nhiều Kiếp nhận vô cùng khổ. Như người ngu này lúc sắp bỏ mệnh.

遇善知識種種安慰為說妙法教令念佛。

Ngộ thiện Tri thức chủng chủng an úy vị thuyết Diệu Pháp giáo linh niệm Phật.

Gặp Tri thức thiện an ủi đủ điều vì thuyết Diệu Pháp dạy giúp suy nhớ Phật.

彼人苦逼不遑念佛。善友告言：汝若不能念彼佛者。

Bỉ nhân khổ bức bất hoàng niệm Phật. Thiện hữu cáo ngôn : Nhữ nhược bất năng niệm bỉ Phật giả.

Người đó bị khổ bức bách không kịp học suy nhớ Phật. Bạn hữu bảo rằng : Ông không thể học suy nhớ Phật đó.

應稱歸命無量壽佛。如是至心令聲不絕。

Ứng xưng quy mệnh Vô Lượng Thọ Phật. Như thị chí tâm linh thanh bất tuyệt.

Nên xưng tên quy mệnh Vô Lượng Thọ Phật. Như thế thành tâm đọc tên liên tục.

具足十念稱南無阿彌陀佛。

Cụ túc thập niệm xưng Nam mô A-di-đà Phật.

Đầy đủ mười lần đọc tên Nam mô A-di-đà Phật.

稱佛名故，於念念中，除八十億劫生死之罪。

Xưng Phật danh cố, ư niệm niệm trung, trừ bát thập ức Kiếp sinh tử chi tội.

Do đọc tên Phật, trong từng lần đọc, trừ diệt tội sinh chết của 80 triệu Kiếp.

命終之時見金蓮花猶如日輪住其人前。

Mệnh chung chi thời kiến kim liên hoa do như nhật luân trụ kỳ nhân tiền.

Lúc sắp bỏ mệnh nhìn thấy hoa Sen bằng vàng giống như mặt Trời ở trước người đó.

如一念頃即得往生極樂世界。

Như nhất niệm khoảnh tức đắc vãng sinh Cực-lạc Thế giới.

Chỉ trong khoảnh khắc tức thì được vãng sinh Cực-lạc Thế giới.

於蓮花中滿十二大劫，蓮花方開當花敷時。

Ư liên hoa trung mãn thập nhị Đại-kiếp, liên hoa phương khai đương hoa phu thời.

Ở trong hoa Sen đủ 12 Đại Kiếp (16,13 tỉ năm), hoa Sen lại mở, đương lúc hoa mở.

觀世音大勢至以大悲音聲。

Quan Thế Âm Đại Thế Chí dĩ Đại Bi âm thanh.

Quan Thế Âm Đại Thế Chí dùng Đại Bi âm thanh.

即為其人廣說實相除滅罪法。聞已歡喜，應時即發菩提之心。

Tức vị kỳ nhân quảng thuyết Thực-tướng trừ diệt tội Pháp. Văn dĩ hoan hỷ, ứng thời tức phát Bồ-đề chi tâm.

Tức thời vì người đó nói rộng khắp Thực-tướng trừ diệt tội Pháp. Nghe xong vui vẻ đứng dậy tức thì phát tâm Bồ-đề.

是名下品下生者。是名下輩生想，名第十六觀。

Thị danh hạ phẩm hạ sinh giả. Thị danh hạ bối sinh tướng, danh đệ thập lục quan.

Tên đó là sinh phẩm cuối bậc cuối cùng. Tên đó là tướng nhớ sinh bậc cuối, tên là quan sát thứ 16.

爾時世尊說是語時，韋提希與五百侍女。

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thị ngữ thời, Vi-đề-hi dữ ngũ bách thị nữ.

Khi đó Thế Tôn lúc nói lời này, Vi-đề-hi cùng với 500 Cung nữ.

聞佛所說，應時即見極樂世界廣長之相。

Văn Phật sở thuyết, ứng thời tức kiến Cực-lạc Thế giới quảng trường chi tướng.

Nghe được Phật nói, cùng lúc tức thì nhìn thấy hình ảnh rộng lớn của Cực-lạc Thế giới.

得見佛身及二菩薩，心生歡喜歎未曾有。

Đắc kiến Phật thân cập nhị Bồ-tát, tâm sinh hoan hỷ thán vị tăng hữu.

Được nhìn thấy thân Phật và hai Bồ-tát, tâm sinh vui mừng ngợi khen chưa từng có.

豁然大悟得無生忍。

Khoát nhiên đại ngộ đắc Vô-sinh nhẫn.

Thông suốt giác ngộ lớn được Nhẫn Không sinh.

五百侍女發阿耨多羅三藐三菩提心，願生彼國。

Ngũ bách thị nữ phát A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-Đề tâm, nguyện sinh bỉ quốc.

500 Cung nữ phát tâm Bình đẳng Bồ-đề, nguyện sinh ở nước đó.

世尊悉記皆當往生，生彼國已，獲得諸佛現前三昧。

Thế Tôn tất ký giai đương vãng sinh, sinh bỉ quốc dĩ, hoạch đắc chư Phật hiện tiền Tam-muội.

Thế Tôn ghi nhận tất cả, đều đang vãng sinh, sinh nước đó xong, ở trước các Phật thu được Tam-muội.

無量諸天發無上道心。

Vô lượng chư Thiên phát Vô-thượng Đạo tâm.

Vô lượng các Trời phát tâm Đạo Bình đẳng.

爾時阿難，即從座起前白佛言：世尊！

Nhĩ thời A-nan, tức tòng tòa khởi tiền bạch Phật ngôn : Thế Tôn !

Khi đó A-nan, tức thời rời khỏi chỗ ngồi tiến về phía trước bạch nói rằng : Thế Tôn !

當何名此經。此法之要當云何受持。佛告阿難：

Đương hà danh thử Kinh ? Thử Pháp chi yếu đương vân hà thụ trì ? Phật bảo A-nan :

Kinh này cần gọi tên ra sao ? Cốt yếu của Pháp này cần nhận giữ như thế nào ? Phật bảo A-nan :

此經名：觀極樂國土無量壽佛觀世音菩薩大勢至菩薩，亦名淨除業障生諸佛前。

Thử Kinh danh : Quan Cực-Lạc quốc thổ Vô Lượng Thọ Phật Quan Thế Âm Bồ-tát Đại Thế Chí Bồ-tát, diệc danh Tịnh trừ nghiệp chướng sinh chư Phật tiền.

Tên của Kinh này : Quan sát Cực-Lạc Thế giới của Vô Lượng Thọ Phật Quan Thế Âm Bồ-tát

Đại Thế Chí Bồ-tát, cũng có tên Trừ sạch nghiệp chướng sinh trước các Phật.

汝等受持無令忘失。行此三昧者。

Nhữ đẳng thụ trì vô linh vong thất. Hành thử Tam-muội giả.

Các Ngài nhận giữ không được phép quên mất. Tu hành Tam-muội này.

現身得見無量壽佛及二大士。若善男子及善女人。

Hiện thân đặc kiến Vô Lượng Thọ Phật cấp nhị Đại-sĩ. Nhược Thiện nam tử cấp thiện nữ nhân.
Thân hiện nay được nhìn thấy Vô Lượng Thọ Phật cùng với 2 Đại-sĩ. Nếu Thiện nam Tín nữ.
但聞佛名二菩薩名，除無量劫生死之罪。

Đã văn Phật danh nhị Bồ-tát danh, trừ vô lượng Kiếp sinh tử chi tội.

Chỉ nghe tên hiệu Phật tên hiệu 2 Bồ-tát, trừ diệt tội sinh chết của vô lượng Kiếp.

何況憶念。若念佛者。當知此人即是人中芬陀利花。

Hà hưởng ức niệm. Nhược niệm Phật giả, đương tri thử nhân tức thị nhân trung Phân-đà-lợi hoa.
Hưởng chỉ suy nhớ lại. Nếu suy nhớ Phật, nên biết người này tức là người hiếm có.

觀世音菩薩大勢至菩薩，為其勝友。

Quan Thế Âm Bồ-tát Đại Thế Chí Bồ-tát, vi kỳ thắng hữu.

Quan Thế Âm Bồ-tát Đại Thế Chí Bồ-tát, là bạn hữu của họ.

當坐道場生諸佛家。

Đương tọa Đạo-tràng sinh chư Phật gia.

Đang ngồi Đạo-tràng sinh trong gia đình Phật.

佛告阿難：汝好持是語。

Phật cáo A-nan : Nhữ hảo trì thị ngữ.

Phật bảo A-nan : Ngài giữ kỹ lời nói đó.

持是語者即是持無量壽佛名。佛說此語時，尊者目連。

Trì thị ngữ giả tức trì Vô Lượng Thọ Phật danh. Phật thuyết thử ngữ thời, Tôn-Giả Mục liên.

Người giữ lời nói đó tức là giữ tên hiệu Vô Lượng Thọ Phật. Khi Phật nói lời này, Tôn-giả Mục-liên.

尊者阿難及韋提希等。聞佛所說，皆大歡喜。

Tôn-Giả A-nan cấp Vi-đề-hi đẳng. Văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỉ.

Tôn-Giả A-nan cùng với Vi-đề-hi. Nghe được Phật nói đều rất vui mừng.

爾時世尊，足步虛空還耆闍崛山。

Nhĩ thời Thế Tôn, túc bộ hư không hoàn Kỳ-xà-Quật sơn.

Khi đó Thế Tôn đi bộ trong khoảng không trở lại núi Kỳ-xà-Quật.

爾時阿難，廣為大眾說如上事。

Nhĩ thời A-nan, quảng vị Đại chúng thuyết như thượng sự.

Khi đó A-nan, vì Đại chúng khắp nơi nói lại việc trên.

無量人天龍神夜叉，聞佛所說皆大歡喜禮佛而退。

Vô lượng nhân Thiên Long Thần Dạ-xoa, văn Phật sở thuyết giai đại hoan hỉ lễ Phật nhi thoái.

Vô lượng Trời Người Rồng Thần Dạ-xoa, nghe được Phật nói đều rất vui mừng lễ Phật và ra đi.

佛說觀無量壽佛經

Phật thuyết Quan Vô Lượng Thọ Phật Kinh.

Phật nói Kinh Quan sát Vô Lượng Thọ Phật.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tấn Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền

Phiên Âm. Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch 2/2009.

=====